



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NIÊN VỤ
2021 - 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA



Km 34, quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
0223 843 274
<https://miaduongsonla.vn/>
sls.miaduongsonla@gmail.com

Signature Not Verified

Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Mía Đường Sơn La
Ký ngày: 19/9/2022 17:18:25



MỤC LỤC

07 Phần mở đầu

14 Phần I: Tổng quan về **Mía đường Sơn La**

30 Phần II: Quản trị công ty

50 Phần III: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

64 Phần IV: Báo cáo của Ban tổng giám đốc

72 Phần V: Báo cáo của Hội đồng quản trị

86 Phần VI: Báo cáo phát triển bền vững

92 Phần VII: Báo cáo tài chính



PHẦN MỞ ĐẦU

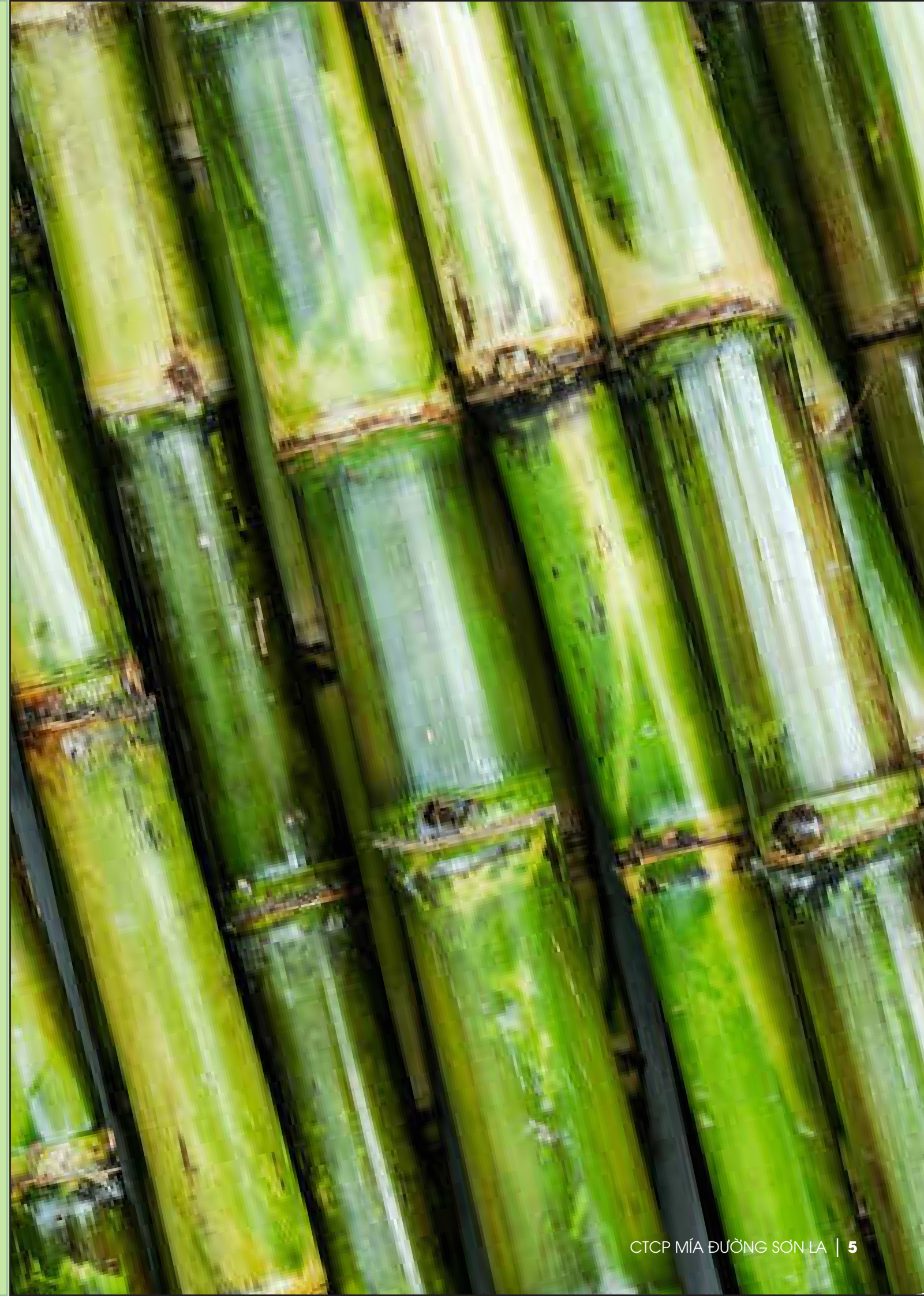
Thông điệp từ chủ tịch Hội đồng quản trị **06**

Các thành tích nổi bật **08**

Tầm nhìn **09**

Tiêu chí hoạt động **09**

Ấn tượng niên vụ 2021 - 2022 **10**





Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị



“Năm 2021- 2022 là năm có nhiều biến động, ảnh hưởng khó khăn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy vậy Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận và đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất trong 05 năm gần đây”

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên

Niên vụ 2021 - 2022 mở ra cơ hội phục hồi lớn cho nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh kinh tế - chính trị toàn cầu tiếp tục gặp nhiều bất ổn, trong đó ngành mía đường cũng có nhiều biến động tiêu cực. Việt Nam về cơ bản đã thành công trong quyết sách đối phó với dịch bệnh Covid-19 và ổn định chính sách tiền tệ nội địa, là bàn đạp cho đà phục hồi cuối 2021 và 6 tháng đầu năm 2022. Tổng sản phẩm quốc nội trong 2 quý đầu năm nay đạt mức tăng ấn tượng so với khu vực và trên thế giới là 6,42% dù vẫn chưa lấy lại được hoàn toàn mức tăng trưởng trước dịch, với động lực chính là ngành công nghiệp chế tạo, chế biến. Với những tác động từ áp lực lạm phát, khủng hoảng chuỗi cung ứng và năng lượng do chiến tranh Ukraine, bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều tác động tiêu cực. Tuy nhiên, kinh tế nội địa vẫn được dự báo sẽ đạt mức tăng trưởng trên 7% trong năm 2022 với những

nội lực lớn từ cả sản xuất, nhu cầu nội địa lẫn một nền kinh tế ổn định.

Thị trường mía đường toàn cầu niên vụ 2021 - 2022 chịu những tác động bất lợi khi hai nhà sản xuất đường lớn nhất là Ấn Độ và Brazil bị ảnh hưởng do Covid-19 và tác động từ áp lực tăng giá nguyên liệu. Tuy nhiên kết thúc niên vụ 2021 - 2022, các báo cáo của Tổ chức Đường Quốc tế cho thấy tổng sản lượng đường sản xuất vẫn ở mức thặng dư trong khi nhu cầu tiêu thụ tăng nhẹ. Hầu hết các dự báo đều cho rằng niên vụ 2022 - 2023 sẽ có nhiều thuận lợi hơn đối với ngành mía đường thế giới.

Trong bối cảnh đó, ngành đường trong nước vẫn gặp rất nhiều khó khăn do phải cạnh tranh với đường nhập lậu, gian lận thương mại và đường nhập khẩu từ Thái Lan lẫn tránh qua 05 nước ASEAN (Lào, Campuchia, Myanmar, Malaysia, Indonesia). Niên vụ 2021 - 2022

cũng là niên vụ có sản lượng sản xuất đường trong nước thấp kỷ lục với 741.000 tấn đường. Cùng với áp lực lạm phát tăng dần vào cuối niên vụ, số lượng nhà máy đường cả nước hoạt động là thấp, tình trạng không thể tiêu thụ đường do khó cạnh tranh được về giá là rất lớn.

Trong bối cảnh kinh tế trong nước có nhiều thuận lợi nhưng ngành đường nội địa chịu nhiều áp lực, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La vẫn kiên định với những quyết sách, kế hoạch đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đã được ĐHĐCĐ đặt ra. Niên vụ 2021 - 2022, Công ty đạt mức doanh thu 885 tỷ đồng, ép được 554.711 tấn mía với mức lợi nhuận sau thuế gấp 2,5 lần so với kế hoạch đặt ra là 187,6 tỷ đồng. Tuy chỉ hoàn thành khoảng 85% kế hoạch doanh thu do những khó khăn về đầu ra nhưng nhờ việc tăng năng suất, tối ưu hóa chi phí mà mức lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn là một thành quả đáng ghi nhận.

Những thành quả trên đạt được là nhờ sự nỗ lực và đồng lòng của Ban Lãnh Đạo, Cán bộ công nhân viên và người nông dân cũng như sự cảm thông chia sẻ của khách hàng đối với Công ty. Kết quả tích cực này cũng cho thấy được các quyết sách và chủ trương của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị là đúng hướng và kịp thời.

Ban lãnh đạo Công ty ý thức được rằng, niên vụ 2022 - 2023 vẫn sẽ tiếp tục là một niên vụ đầy những thách thức. Dịch bệnh Covid-19 vẫn tiềm ẩn nguy cơ khó lường, trong khi áp lực lạm phát và tình hình tài chính toàn cầu vẫn nhiều bất ổn sẽ ít nhiều hạn chế những thuận lợi của thị trường trong nước. Đối với ngành mía đường, việc Bộ Công thương ban hành Quyết định

số 1514/QĐ-BCT, ngày 01 tháng 8 năm 2022, áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ 05 nước Asean, đảm bảo môi trường cạnh tranh công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong nước với hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước và người nông dân trồng mía, chính sách này được kỳ vọng sẽ giúp năng lực tiêu thụ đường trong nước được cải thiện. Với việc nhu cầu nội địa là động lực kinh tế chính trong thời gian tới, Mía đường Sơn La kỳ vọng sẽ tận dụng được những lợi thế và tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh tích cực.

Chúng tôi tin rằng, với sự cố gắng, nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên chúng tôi, sự đồng hành của bà con nhân dân trồng mía, sự tin nhiệm, ủng hộ của các Quý cổ đông, Khách hàng và các Nhà đầu tư, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La sẽ vượt qua những trở ngại của bối cảnh hiện tại, tận dụng tốt những lợi thế đang có để hoàn thành xuất sắc kế hoạch niên vụ 2022 - 2023 và đạt được những mục tiêu phát triển bền vững cho các năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm và đồng hành của Quý vị!

Thay mặt Hội đồng quản trị

(đã ký)

**Chủ tịch
Đặng Việt Anh**

Các thành tích nổi bật

- 

CHỦ TỊCH NƯỚC TRAO TẶNG CÔNG TY HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA.
- 

TỔNG GIÁM ĐỐC BHXH VIỆT NAM TẶNG BẰNG KHEN CHO CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH BHXH, BHYT.
- 

CÔNG ĐOÀN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA TẶNG CỜ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO “XANH-SẠCH-ĐẸP, BẢO ĐẢM ATVSLĐ”.
- 

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẶNG CỜ THI ĐUA HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC, DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC CỦA TỈNH SƠN LA
- 

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA TẶNG CỜ THI ĐUA XUẤT SẮC CHO CÔNG TY ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC VÀ NHIỀU BẰNG KHEN.
- 

BAN CHẤP HÀNH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM TẶNG BẰNG KHEN CHO CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA “ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG GIỎI VÀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỮNG MẠNH.

Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành Công ty sản xuất Công – Nông nghiệp với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có bề dày gần 30 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều lần thay đổi, cải cách cả về máy móc, con người lẫn cơ cấu tổ chức. Trong mọi giai đoạn phát triển, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn nỗ lực đưa công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành mía đường theo một cách bền vững. Công ty luôn chủ động nắm bắt những công nghệ sản xuất mía đường tiên tiến nhất, đi cùng với đó là công tác đảm bảo vệ sinh môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững không chỉ cho bản thân công ty mà còn cho xã hội và cộng đồng.



Tiêu chí hoạt động

- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội;
- Tăng trưởng bền vững;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và thu nhập của người lao động;
- Đóng góp thiết thực cho ngân sách địa phương và quan tâm đến công tác an sinh xã hội của cộng đồng.

1.379 tỷ đồng giá trị tài sản (▲ **15,65%** yoy)

Doanh thu **868,97** tỷ đồng (▲ **8,47%** yoy)

Biên lợi nhuận gộp đạt **29,37%** (▲ **17,24%** yoy)

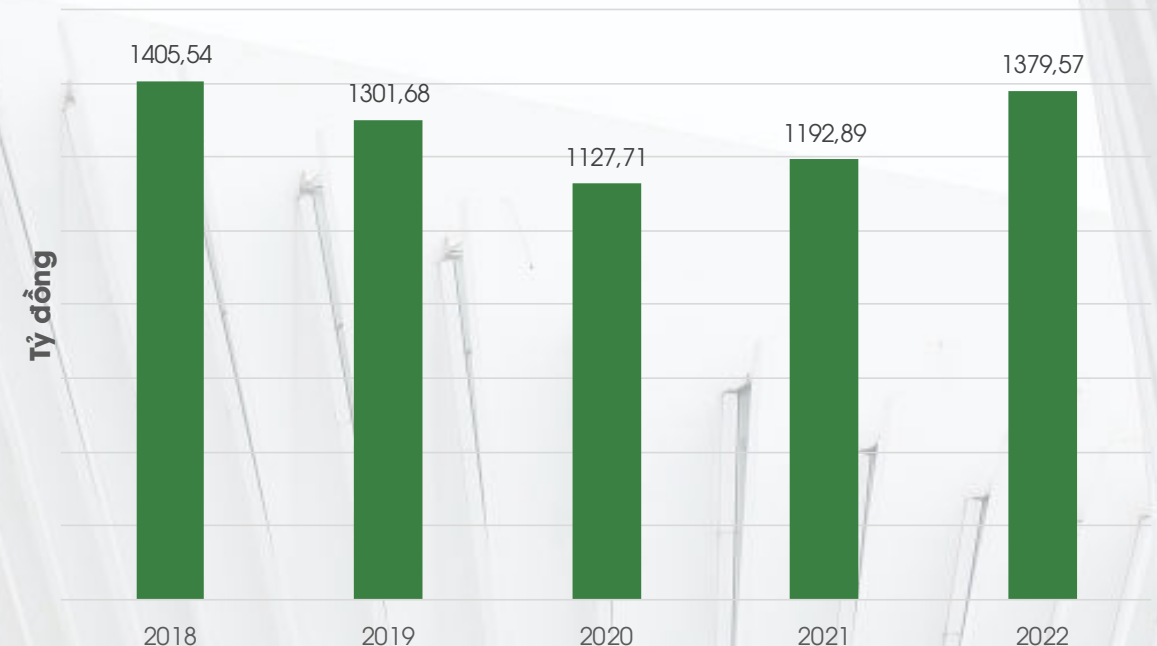
Lợi nhuận sau thuế **187,64** tỷ đồng (▲ **20,45%** yoy, đạt **250,18%** kế hoạch)

588.799 tấn mía nguyên liệu thu hoạch (▲ **12,68%** yoy)

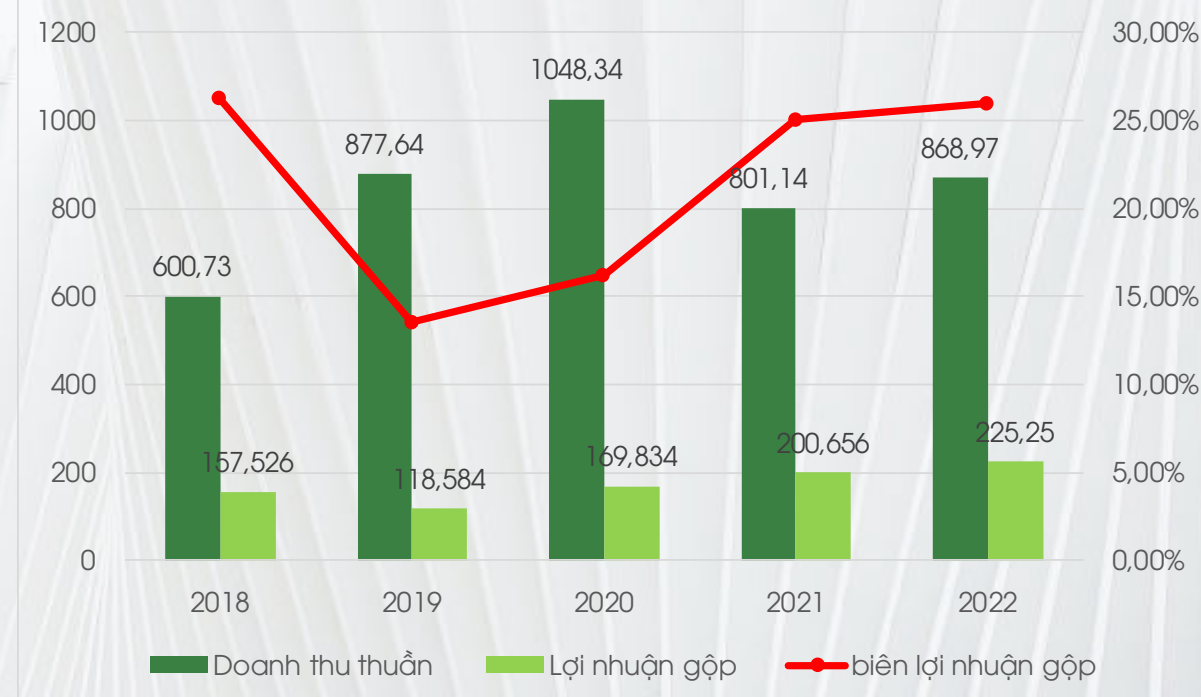
9.800 hộ trồng mía liên kết (▲ **100** hộ yoy)



Giá trị tổng tài sản qua các năm



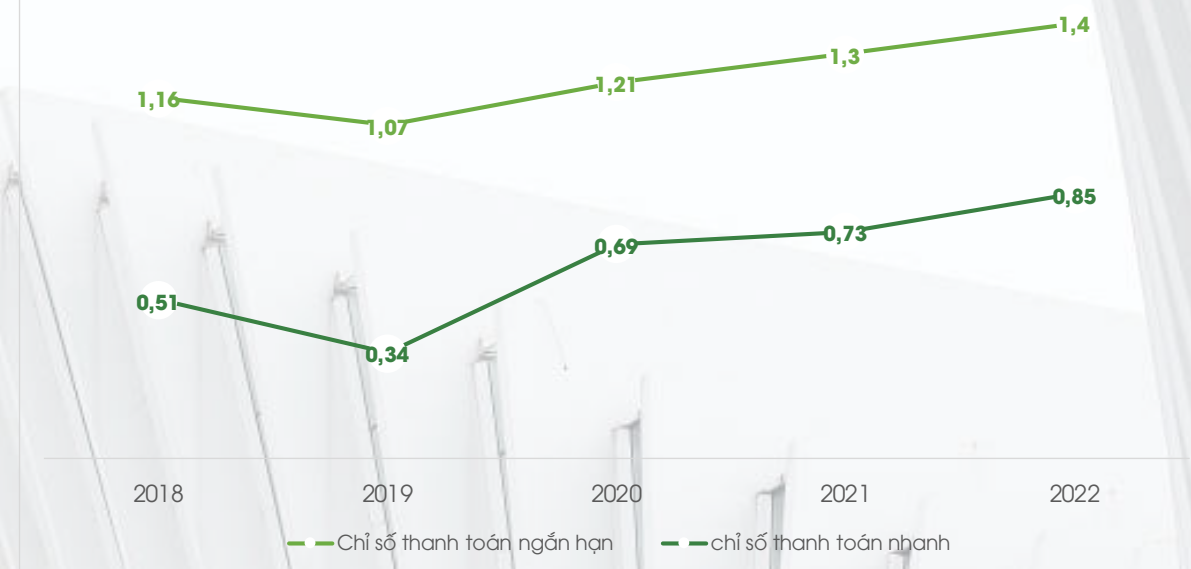
Doanh thu thuần và biên lợi nhuận gộp



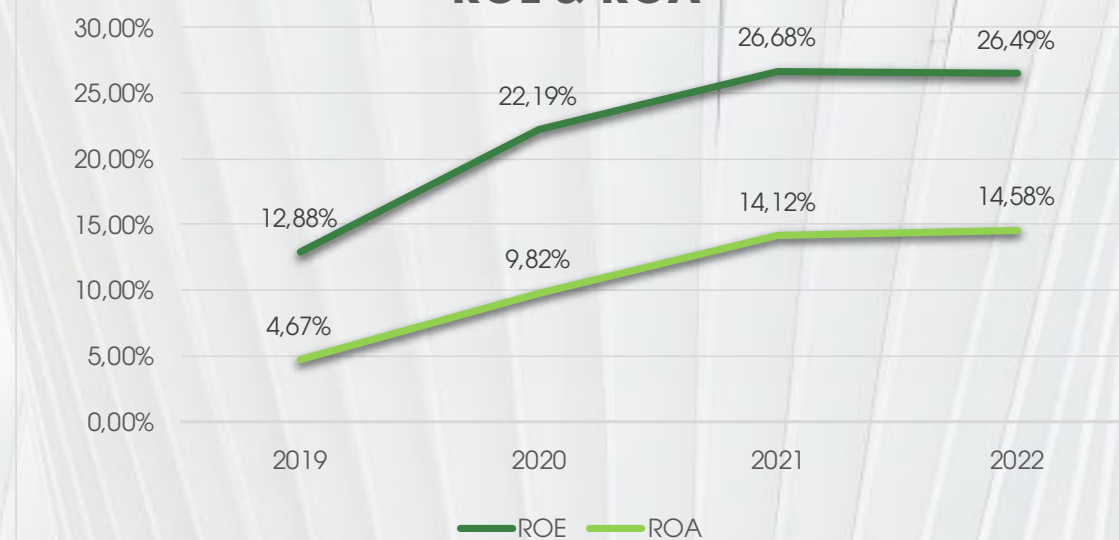
Một số chỉ tiêu tài chính tiêu biểu của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2020 - 2021	Năm 2021 - 2022	Tăng trưởng %
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần	801.136.602.291	868.974.945.103	8,47%
Giá vốn hàng bán	600.480.759.423	643.715.946.239	7,20%
Lợi nhuận gộp	200.655.842.868	225.258.998.864	12,26%
Lợi nhuận thuần	163.869.737.585	186.508.692.693	13,82%
Lợi nhuận trước thuế	163.809.094.802	187.639.199.121	14,55%
Lợi nhuận sau thuế	163.809.094.802	187.639.199.121	14,55%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,269	19,163	17,79%
Bảng cân đối kế toán			
Tài sản ngắn hạn	565.390.612.744	779.346.292.945	37,84%
Tài sản dài hạn	627.497.176.068	600.223.798.784	-4,35%
Tổng cộng tài sản	1.192.887.788.812	1.379.570.091.729	15,65%
Nợ ngắn hạn	433.704.594.266	569.392.409.198	31,29%
Nợ dài hạn	102.400.000.000	50.100.000.000	-51,07%
Nợ phải trả	536.104.594.266	619.492.409.198	15,55%
Vốn chủ sở hữu	656.783.194.546	760.077.682.531	15,73%
Vốn điều lệ	97.919.450.000	97.919.450.000	0,00%
Tổng cộng nguồn vốn	1.192.887.788.812	1.379.570.091.729	15,65%
Hệ số tài chính			
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	81,63%	81,5%	-0,16%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	73,35%	85,1%	16,02%
Vòng quay hàng tồn kho	2,69	1,37	-49,07%
ROE(%)	26,68	26,49	-0,71%
ROA(%)	14,12	14,58	3,26%
EBITDA/Doanh thu	31,13%	31,16%	0,10%

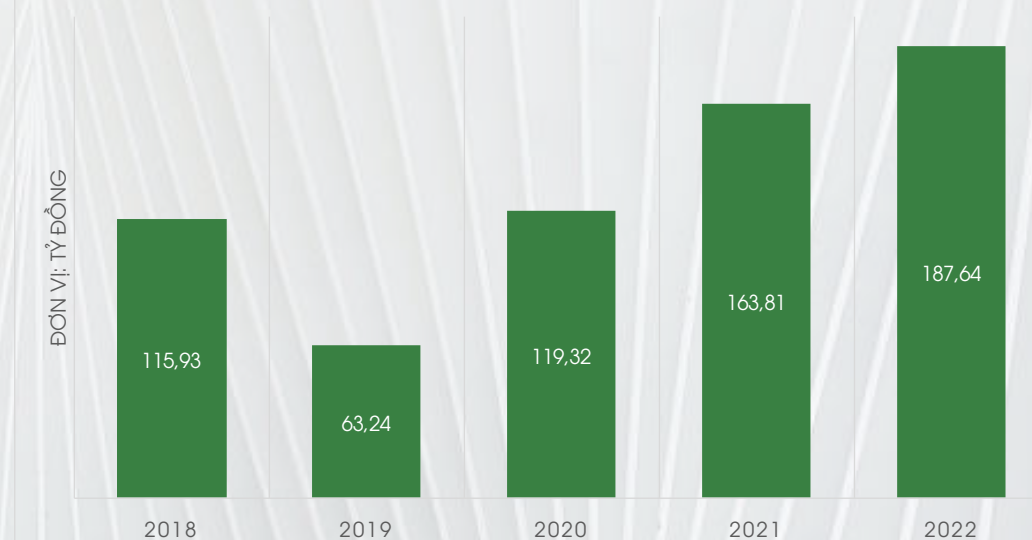
CÁC CHỈ TIÊU THANH TOÁN



ROE & ROA



LỢI NHUẬN SAU THUẾ



PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Tổng quan về CTCP Mía đường Sơn La **16**

Lịch sử hình thành và phát triển **18**

Ngành nghề và địa bàn **20**

Phân tích SWOT **22**

Các rủi ro trọng yếu **24**

Định hướng phát triển **28**



Tổng quan về Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Tên công ty	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
Tên viết tắt	SLS
Tên tiếng Anh	Son La Sugar JSC
Trụ sở	Km 34, Quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót ,Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Điện thoại	0223 843 274
Fax	0223 843 406
Email	sls.miaduongsomla@gmail.com
Website	https://miaduongsomla.vn/
Ngành nghề kinh doanh	Đường: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường. Phân bón và cây giống: Sản xuất, cung ứng phân bón và giống cây con. Kinh doanh nhiên liệu: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kinh doanh khác: Vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi, lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình làm kênh, mương nội đồng, giao thương vùng nguyên liệu mía.
Mã cổ phiếu	SLS
Vốn điều lệ	97.919.450.000 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	9.791.945 cổ phiếu
Người đại diện theo pháp luật	Đặng Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lịch sử hình thành và phát triển

Khởi công xây dựng Nhà máy đường Sơn La tiền thân là Nhà máy Đường Sơn La trực thuộc Nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La quản lý.

UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 558/QĐ-UB về việc thành lập Công ty Mía đường Sơn La trên cơ sở chuyển giao nhiệm vụ xây dựng Nhà máy đường của Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu. Theo đó, Nhà máy đường Sơn La được đổi tên thành Công ty Mía đường Sơn La.

UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-DNNN về việc quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Mía đường Sơn La trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Trong giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2006 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kém hiệu quả có chiều hướng đi xuống và có nhiều khả năng phải phá sản

UBND tỉnh Sơn La đã chủ trì cuộc họp cùng với các Ban, ngành chức năng làm việc với Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp – Bộ Tài chính (DATC) để tìm ra các biện pháp giải quyết, hỗ trợ cho Công ty Mía đường Sơn La đủ điều kiện để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

09/1995



04/1996



08/1997



1997-2006



10/2006

2015

Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng thoái hết vốn tại Công ty cổ phần mía đường Sơn La. Công ty cổ phần mía đường Sơn La không còn vốn nhà nước

09/2012

SGDCK Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Cổ phiếu Công ty cổ phần mía đường Sơn La niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: SLS

02/2008

Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La thành công. Công ty Mía đường Sơn La chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

01/2008

Chủ tịch UBND – Trưởng ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Sơn La đã có văn bản số 220 / UBND - KTTH về việc ủy quyền cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp chủ trì triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

11/2007

UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 2761/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cơ cấu tài chính và chuyển đổi sở hữu Công ty Mía đường Sơn La từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần.

04/2007

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 419/ TTG_NN về việc sắp xếp đổi mới Công ty Mía đường Sơn La.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- 1** Đường: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường.
- 2** Phân bón và cây giống: Sản xuất, cung ứng phân bón và giống cây con.
- 3** Kinh doanh nguyên liệu: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- 4** Vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi, lưu giữ hàng hóa
- 5** Xây dựng công trình làm kênh, mương nội đồng, giao thương vùng nguyên liệu mía.

Địa bàn kinh doanh

Các sản phẩm chính của công ty hiện nay chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường các tỉnh thành phố:

- 1. Hà Nội
- 2. Hải Phòng
- 3. Hải Dương
- 4. Vĩnh Phúc
- 5. Điện Biên

Ngoài ra công ty cũng có mạng lưới phân phối sản phẩm ở hầu khắp các tỉnh thành phía Bắc.



Các sản phẩm chủ đạo

Đường kính RS



Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty và được chế biến với dây chuyền công nghệ hiện đại. Đường được làm từ nguyên liệu là cây mía tươi và một số phụ gia được phép sử dụng trong lĩnh vực chế biến thực phẩm. Hiện nay sản phẩm này đang được công ty đóng gói theo ba loại: túi 0,5 kg, túi 1 kg và bao 50 kg.

Phân vi sinh



Phân phức hợp hữu cơ vi sinh được chế biến từ các chế phẩm vi sinh với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Sản phẩm có công dụng tăng cường hữu cơ cho đất, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng, tăng khả năng kháng sâu bệnh, chịu hạn, kích thích phát triển cho cây mía, tăng năng suất từ 10-15%. Đây là loại phân được Công ty Mía đường Sơn La sản xuất chủ yếu để bón lót, bón thúc cho vùng nguyên liệu của công ty.

Xăng dầu



Công ty kinh doanh xăng dầu, cung cấp kịp thời, đáp ứng nhu cầu cho các phương tiện chuyên chở hàng hóa trong nội bộ Công ty.

Đường RE



Đây là sản phẩm mới của công ty. Được sản xuất từ cây mía và có độ tinh khiết rất cao nên còn được gọi là đường trắng tinh khiết. Trong quá trình sản xuất hoàn toàn không sử dụng hóa chất tẩy trắng nhưng vẫn loại bỏ được tạp chất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

STRENGTH

Điểm mạnh

- Giá thành đường ở mức thấp hơn trung bình ngành do sở hữu dây chuyền sản xuất hiện đại, vùng nguyên liệu mía với chất lượng tốt. Giá bán không chịu chi phí vận chuyển lưu kho cũng như mất mát do đối tác mua hàng thường là các doanh nghiệp lớn thu mua đường tại nhà máy.
- Sở hữu vùng nguyên liệu khá ổn định (hơn 9.000 ha ~ hơn 3% vùng nguyên liệu trên cả nước) vì tạo được mối quan hệ tốt với người nông dân thông qua các chiến lược hợp tác bền vững, hỗ trợ người nông dân từ giống mía đến tu sửa cơ sở vật chất vận chuyển cho địa phương và chính sách đầu tư, thu mua phù hợp.
- Thổ nhưỡng phù hợp với canh tác mía, cho năng suất tốt, chữ đường mía cao.

Điểm yếu

- Vùng nguyên liệu đồi núi manh mún, độ dốc cao, khó cơ giới hóa;
- Chất lượng cây mía phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện thời tiết do không thể đầu tư hệ thống tưới tiêu quy mô lớn cho vùng nguyên liệu.

OPPORTUNITIES

Cơ hội

- Thổ nhưỡng và điều kiện tự nhiên thuận lợi, đem lại mía có năng suất ổn định và chữ đường cao nhất miền Bắc;
- Tiếp tục được miễn thuế Thu nhập Doanh nghiệp từ hoạt động chế biến sản xuất nông sản do vị trí nhà máy ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- Ngành mía đường đang nhận được sự quan tâm, hỗ trợ đặc biệt từ Chính phủ để nâng tầm chuỗi giá trị ngành.

THREATS

Thách thức

- Công ty gặp phải sự cạnh tranh về giá với đường lậu, gian lận thương mại;
- Từ ngày 01/01/2020 Việt Nam đã chính thức thực hiện hiệp định ATIGA bãi bỏ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường từ các nước ASEAN;
- Vùng nguyên liệu mía gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn (cây ăn trái, ngô,...)

Rủi ro về kinh tế: Cũng giống như bất kỳ ngành sản xuất nào, ngành mía đường cũng chịu ảnh hưởng lớn từ biến động kinh tế thế giới và kinh tế nội địa. Sự thay đổi về tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, nhu cầu tiêu dùng trong nước và các thành tố khác trong nền kinh tế sẽ quyết định rất lớn đến sự phát triển của ngành và đối với một ngành sản xuất thực phẩm mang tính thiết yếu như ngành sản xuất đường thì lại càng quan trọng. Mỗi sự thay đổi của các yếu tố kinh tế vĩ mô sẽ tạo ra các điều kiện khác nhau buộc doanh nghiệp vì mô phải có những thích ứng phù hợp. Trong bối cảnh hiện tại, khi nền kinh tế bị đứt gãy do ảnh hưởng từ đại dịch, Công ty cần có nhiều những thay đổi cấp bách, quyết liệt nhằm giữ sự ổn định trong sản xuất và đảm bảo được mục tiêu phát triển bền vững.



Rủi ro về pháp luật: Mía đường Sơn La, với tư cách là một doanh nghiệp sản xuất đường đã đại chúng hóa và chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ năm 2012, chịu nhiều sự điều chỉnh và quản

lí từ hệ thống luật pháp Việt Nam cũng như các hiệp định thương mại quốc tế. Các hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như các nghị định, thông tư liên quan hướng dẫn thực hiện và các hiệp ước quốc tế như ATIGA, TPP, EVFTA. Trong bối cảnh mà hệ thống pháp luật ở Việt Nam còn đang trong giai đoạn đổi mới, hoàn thiện thì việc gặp phải những rủi ro trong lỗ hổng và trong thực hành luật là không thể tránh khỏi. Trên tinh thần thượng tôn pháp luật và cam kết tôn trọng lợi ích của tất cả các bên liên quan đối với hoạt động của Công ty, Mía đường Sơn La sẽ liên tục cập nhật, đào tạo và trao đổi về cơ chế luật hiện hành và những thay đổi để đảm bảo hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật.



Rủi ro về vùng nguyên liệu: Ngành mía đường Việt Nam đang đối diện với khó khăn đó là diện tích vùng nguyên liệu mía còn lại rất ít, ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu mía ép đầu vào. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của đường nhập khẩu được trợ giá từ Thái Lan, đường

nhập lậu và gian lận thương mại trong các năm vừa qua làm cho giá đường trong nước xuống thấp, kéo theo giá mía cũng xuống thấp, bà con trồng mía bị thua lỗ nên chuyển qua các cây trồng, vật nuôi khác. Hiện tại, năng suất và chất lượng cây mía không đủ cao, vừa giảm tính cạnh tranh cho các doanh nghiệp chế biến đường, vừa là rào cản khiến các hộ nông dân chuyển sang nuôi trồng các loại cây khác mang giá trị công nghiệp cao hơn. Hệ quả là vùng nguyên liệu mía đang không bền vững, các doanh nghiệp mía đường có thể phải thu mua mía từ các nguồn xa nhà máy hơn, làm chi phí vận chuyển tăng cao. Đối với đặc điểm của Công ty, vùng nguyên liệu mía đồi núi Tây Bắc Bộ - Sơn La có thổ nhưỡng phù hợp hơn với việc trồng mía, tuy nhiên Công ty vẫn gặp khó khăn do diện tích trồng nhỏ, manh mún đến từ một số lượng rất lớn các hộ nông dân. Nhiều trong số các hộ nông dân này muốn chuyển đổi cây trồng, ảnh hưởng đến sản lượng mía đầu vào và tính ổn định của nguồn cung. Công ty đã và đang liên tục hỗ trợ về cây giống, phân bón,



cải tạo đường xá cho tất cả các hộ nông dân và tỉnh Sơn La trong việc đảm bảo tính liên tục và bền vững của vùng nguyên liệu mía.

Rủi ro về cạnh tranh: Áp lực cạnh tranh đối với Công ty là rất lớn. Công ty phải cạnh tranh với các lò mật thủ công và các Công ty mía đường lớn khác trên cả nước. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh còn đến từ đường nhập khẩu Thái Lan, đường nhập lậu, đường gian lận thương mại. Đối tượng khách hàng chính của Công ty là các doanh nghiệp, tổ chức phân phối và tiêu thụ đường làm nguyên liệu đầu vào nên sức cạnh tranh về giá là rất lớn và nếu không thể cạnh tranh được thì nguy cơ bị mất thị phần là rất lớn. Đối với các hình thức cạnh tranh không lành mạnh từ đường Thái Lan, ngày 15/06/2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1578/QĐ-BCT về áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính thức đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan. Ngày 01/08/2022, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1514/QĐ-BCT về áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Lào, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma và đây có thể coi là cú hích cho sức cạnh tranh của ngành sản xuất đường nội địa. Tính đến đầu năm 2022, giá thu mua mía, giá đường đã tăng đáng kể và vùng nguyên liệu mía từng bước được phục hồi, giúp nông dân và doanh nghiệp giảm dần áp lực cạnh tranh.

Rủi ro ô nhiễm môi trường: Quá trình sản xuất đường từ cây mía sẽ sinh ra một số phụ phẩm như bã mía, mật rỉ, bùn lọc... Đây là các chất thải hữu cơ, không gây độc hại về mặt hóa chất nhưng nếu không được xử lý thì có thể gây ô nhiễm nghiêm trọng tới môi trường. Tuy nhiên với công nghệ xử lý chất thải hiện tại hoàn toàn có thể xử lý được hết các chất thải độc hại này. Công ty đã quan tâm việc nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, chủ động tận dụng một phần phế phẩm trong quá trình sản xuất đường từ cây mía để làm thành phân vi sinh nhằm tối đa hóa lợi nhuận từ cây mía và giảm thiểu tác hại tới môi trường



Rủi ro về thời tiết và biến đổi khí hậu: Là một ngành sản xuất có đầu vào là sản phẩm nông nghiệp nên ngành sản xuất đường mía chịu ảnh hưởng rất lớn từ tác động của thời tiết và môi trường. Biến đổi khí hậu khiến các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, mưa lũ, giông bão xảy ra thường xuyên hơn. Các hiện tượng El Nino và La Nina cũng khó đoán hơn và cường độ mạnh hơn cũng khiến việc kiểm soát chất lượng mía khó khăn hơn. Biến đổi khí hậu toàn cầu cũng đang diễn ra rất

ng nghiêm trọng tại Việt Nam và nguy cơ nhiều giống cây trồng khó thích ứng với những biến đổi này là hiện hữu. Nhận thức được rủi ro lớn về thời tiết và môi trường, Công ty chủ động trong việc nghiên cứu, tìm tòi các giống mía mới, hỗ trợ bà con nông dân trong việc canh tác, ứng phó với thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, đặc biệt là với mưa lũ tại địa phương có địa hình đồi núi như tỉnh Sơn La.



Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro mang tính hệ thống và phi hệ thống trên, Công ty cũng chịu những rủi ro bất thường ngoài tầm kiểm soát như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, tổn thất về nhân lực. Tuy nguy cơ xảy ra là không cao nhưng các rủi ro trên thường đem lại hậu quả bất thường, gây thiệt hại nặng nề nếu như không có sự đề phòng trước. Công ty luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, dự phòng trước những thiên tai bất thường đặc trưng tại địa phương. Đặc biệt, dịch bệnh Covid-19 là rủi ro chung rất lớn của toàn thế giới và Công ty đã có những thay đổi, tư duy mới để kịp thời đối phó với diễn biến chung của dịch bệnh.



Một số hình ảnh tại nhà máy sản xuất đường

Định hướng phát triển

Trở thành Công ty sản xuất Công - Nông nghiệp với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có bề dày gần 30 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều lần thay đổi, cải cách cả về máy móc, con người lẫn cơ cấu tổ chức. Trong mọi giai đoạn phát triển, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn nỗ lực đưa công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu của ngành mía đường theo một cách bền vững. Công ty luôn chủ động nắm bắt những công nghệ sản xuất mía đường tiên tiến nhất, đi cùng với đó là công tác đảm bảo vệ sinh môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững không chỉ cho bản thân công ty mà còn cho xã hội và cộng đồng.

Sở hữu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, vùng nguyên liệu ổn định bền vững, mang đến cho đối tác và khách hàng các sản phẩm tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng cao. Nhân tố con người luôn được Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đề cao. Đội ngũ nhân viên công ty luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm và sự cầu thị cao trong công việc nhằm mang lại hiệu quả làm việc cao và những thông lệ tốt đẹp cho công ty. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



- 1. Liên tục cải tiến công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng hiệu quả hoạt động nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty**
- 2. Phát triển vùng nguyên liệu bền vững. Đưa ra các chính sách thu mua và hỗ trợ cho cây mía một cách phù hợp để đảm bảo lợi ích hài hòa giữa công ty và người trồng mía.**
- 3. Đảm bảo chất lượng, điều kiện lao động, các chính sách phúc lợi hợp lý và đúng quy định pháp luật cho cán bộ công nhân viên công ty.**
- 4. Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển bền vững mà Ban lãnh đạo công ty đề ra**
- 5. Nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm, tạo mối quan hệ tốt với các đối tác và nhà đầu tư.**

PHẦN II: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sơ đồ tổ chức bộ máy **32**

Thành phần ban lãnh đạo **34**

Thông tin cổ đông và cổ phiếu **40**

Quá trình tăng vốn điều lệ **42**

Thù lao HĐQT, BKS và TGD **42**

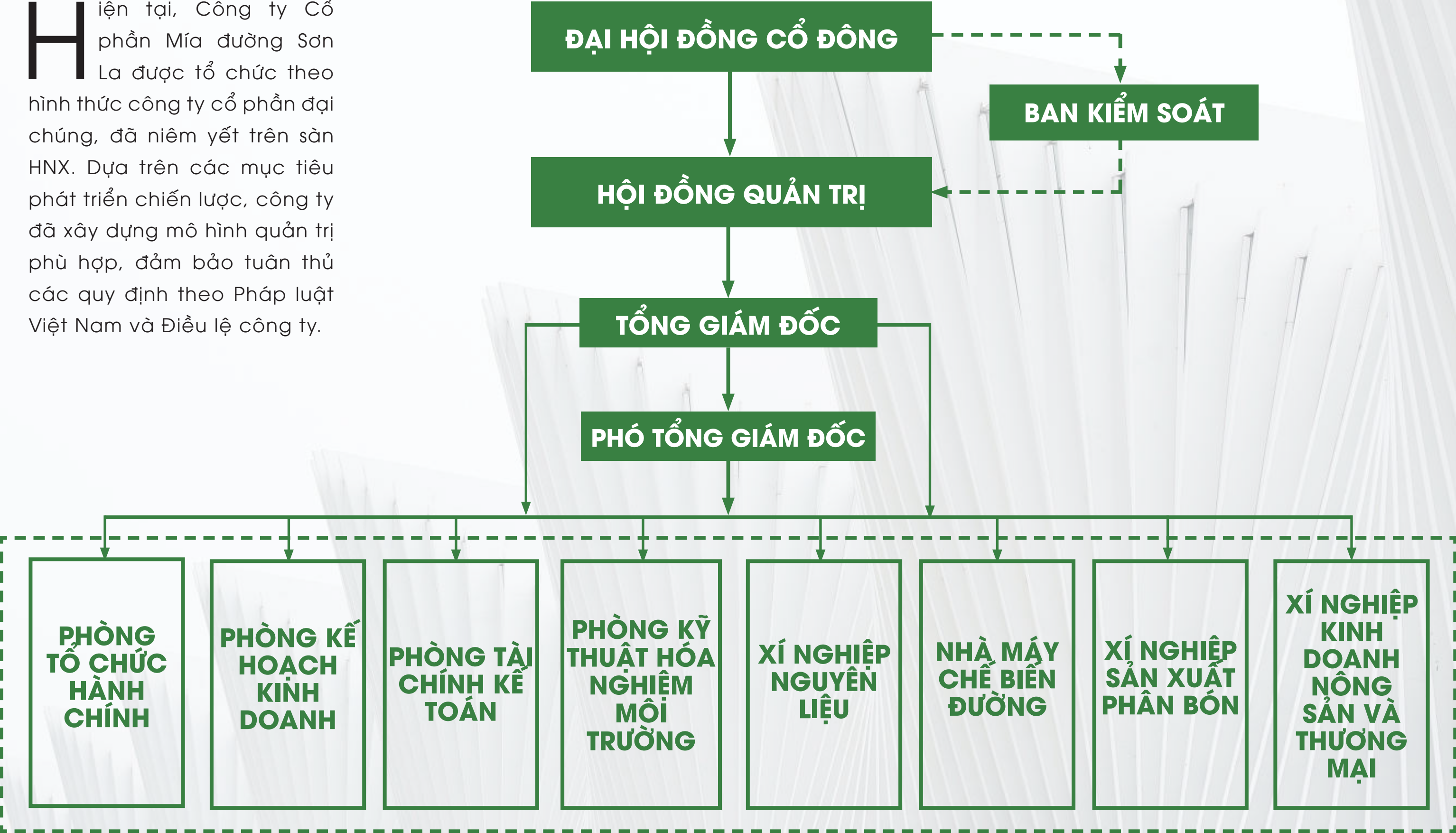
Báo cáo của BKS về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh **44**

Công bố thông tin niên vụ 2021 - 2022 **49**



Sơ đồ tổ chức bộ máy

Hiện tại, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, đã niêm yết trên sàn HNX. Dựa trên các mục tiêu phát triển chiến lược, công ty đã xây dựng mô hình quản trị phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định theo Pháp luật Việt Nam và Điều lệ công ty.



Thành phần ban lãnh đạo

1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	963.878	9,84%
Trần Ngọc Hiếu	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	131.731	1,35%
Nguyễn Trường Chinh	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%
Thái Văn Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%
Trần Thị Nhi	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%



Ông ĐẶNG VIỆT ANH Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nơi sinh	Củ Chi, TP.HCM
Năm sinh	1978
Địa chỉ	Quận 5, TP. HCM
Trình độ	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

2006 - 2007	• CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
2007 - 2008	• CTCP Chứng khoán Việt Quốc
2009 - 2010	• TCT Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam.
2010 - 2011	• Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre.
2013 - 2015	• Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum.
2015 - nay	• Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La



Ông TRẦN NGỌC HIẾU Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nơi sinh	Hà Nội
Năm sinh	1956
Địa chỉ	Quận 5, TP. HCM

Quá trình công tác

1976 - 1981	• Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
1982 - 1997	• Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm.
2015	• CTCP Chứng khoán Việt Quốc.
2015 - nay	• Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La.



Ông NGUYỄN TRƯỜNG CHINH Thành viên Hội đồng Quản trị

Nơi sinh	Hòa An, Tuy Hòa, Phú Yên
Năm sinh	1972
Địa chỉ	Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

1996 - 2001	• Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật - Công ty Mía đường Tuy Hòa
2001 - 2008	• Quản đốc Phân xưởng Đường - Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa.
2009 - 2016	• Giám đốc Nhà Máy Đường - Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa.
2017 - 2018	• Giám đốc xí nghiệp chế biến đường Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
2018 - nay	• Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



Ông THÁI VĂN HÙNG

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh | Hội An, Quảng Nam
Năm sinh | 1972
Địa chỉ | Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

- 1995 - 1996 • Kỹ thuật viên Phòng Kỹ Thuật CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 1996 - 2000 • Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 2001 • Trưởng phòng kỹ thuật - KCS CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 2011 - 2016 • Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 2016 - nay • Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 09/2020 - nay • Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La



Bà TRẦN THỊ NHÌ

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh | Quảng Bình
Năm sinh | 1964
Địa chỉ | Quận 3, TP.HCM

Quá trình công tác

- 1984 - 1989 • - Phụ trách kế toán, trường dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên.
- 1989 - 2010 • - Lần lượt là Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng kiêm Phó TGD Công ty Thương mại Quảng Trị.
- 2010 - 2013 • - Phó GD Công ty CP Thương mại - Dịch vụ Quảng Trị.
- 2014 - 2015 • - Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2015 - 2016 • - Trưởng BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2016 - nay • - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

2 Ban Kiểm Soát



Bà NGUYỄN THỊ THỦY

Trưởng Ban Kiểm Soát

Nơi sinh | Bình Dương
Năm sinh | 1960
Địa chỉ | Thuận An, Bình Dương

Quá trình công tác

- 1985 - 1987 • Cục Thuế Bình Dương
- 1987 - 2014 • Công ty Cổ phần Đường Bình Dương
- 2014 - nay • Công ty TNHH Kim Hà Việt
- 2016 - nay • Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



Ông NGUYỄN VĂN TÀI

Thành viên Ban Kiểm Soát

Nơi sinh | Thái Bình
Năm sinh | 1968
Địa chỉ | Mai Sơn, Sơn La

Quá trình công tác

- 1997 - nay • Công tác tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2018 - nay • Thành viên BKS Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2018 - nay • Chủ tịch công đoàn Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2018 - nay • Bí thư Đảng bộ Công ty cổ phần Mía đường Sơn La



Ông NGUYỄN VĂN ĐÀI Thành viên Ban Kiểm Soát

Nơi sinh | Sơn La
Năm sinh | 1975
Địa chỉ | Mai Sơn, Sơn La

Quá trình công tác

- 1997 - 2006 • Công nhân vận hành nấu đường - CTCP Mía đường Sơn La
- 2007 - 2010 • Vận hành kiêm tổ trưởng nấu đường - CTCP Mía đường Sơn La.
- 2010 - 2015 • Nhân viên phòng Kỹ thuật - Hóa nghiệm - CTCP Mía đường Sơn La.
- 12/2015 - 01/2017 • Phó giám đốc Xí nghiệp chế biến đường - CTCP Mía đường Sơn La.
- 12/2017 - 04/2018 • UV. BCH Đảng ủy, Bí thư chi bộ Xí nghiệp Chế biến đường - CTCP Mía đường Sơn La.
- 12/2015 - nay • Phó phòng Tổ chức hành chính - CTCP Mía đường Sơn La.
- 07/2017 - 08/2017 • Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ
- 08/2017 - 12/2017 • Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 09/2021 - nay

3 Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Trần Ngọc Hiếu	Tổng Giám đốc	131.731	1,35%
Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	0	0%



Ông TRẦN NGỌC HIẾU Tổng giám đốc

Nơi sinh | Hà Nội
Năm sinh | 1956
Địa chỉ | Quận 5, TP. HCM

Quá trình công tác

Xem phần Hội đồng quản trị



Ông THÁI VĂN HÙNG Phó Tổng giám đốc

Nơi sinh | Hội An, Quảng Nam
Năm sinh | 1972
Địa chỉ | Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

Xem phần Hội đồng quản trị

Thông tin cổ đông và cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	SLS
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	16/10/2012
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945 cp
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cp
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	9.791.945 cp
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cp

	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	5.118.738	52,27%
Cổ đông nhỏ	4.673.207	47,73%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	9.791.945	100%
Cổ đông trong nước	9.764.575	99,72%
Cổ đông nước ngoài	27.370	0,28%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	9.791.945	100%
Cổ đông cá nhân	8.319.128	84,96%
Cổ đông tổ chức	1.472.817	15,04%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	9.791.945	100%
Cổ đông nhà nước	0	0%
Cổ đông khác	9.791.945	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	9.791.945	100%

Thông tin cổ đông và cổ phiếu tại ngày 22/08/2022

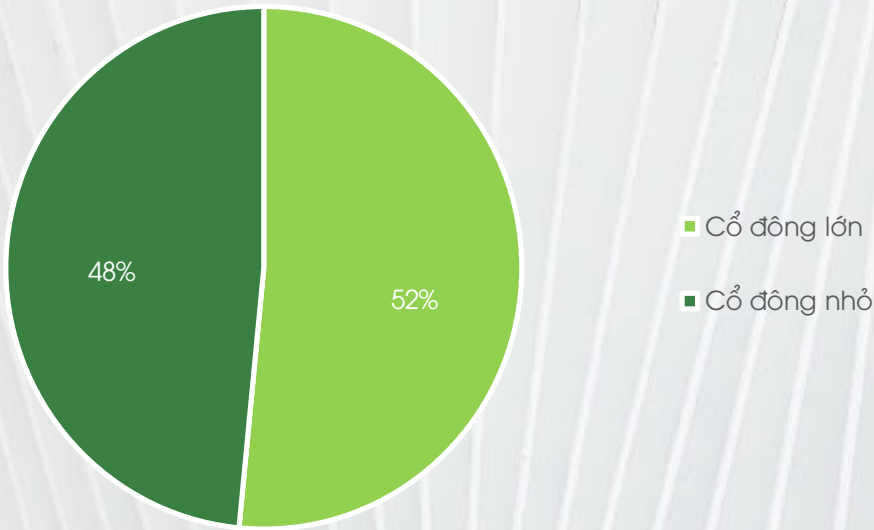
Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Thái	2.686.060	27,43%
2	Công ty TNHH Thái Liên	1.468.800	15,00%
3	Đặng Việt Anh	963.878	9,84%
4	Cổ đông sở hữu dưới 5% VDL	4.673.207	47,73%
Tổng cộng		9.791.945	100%

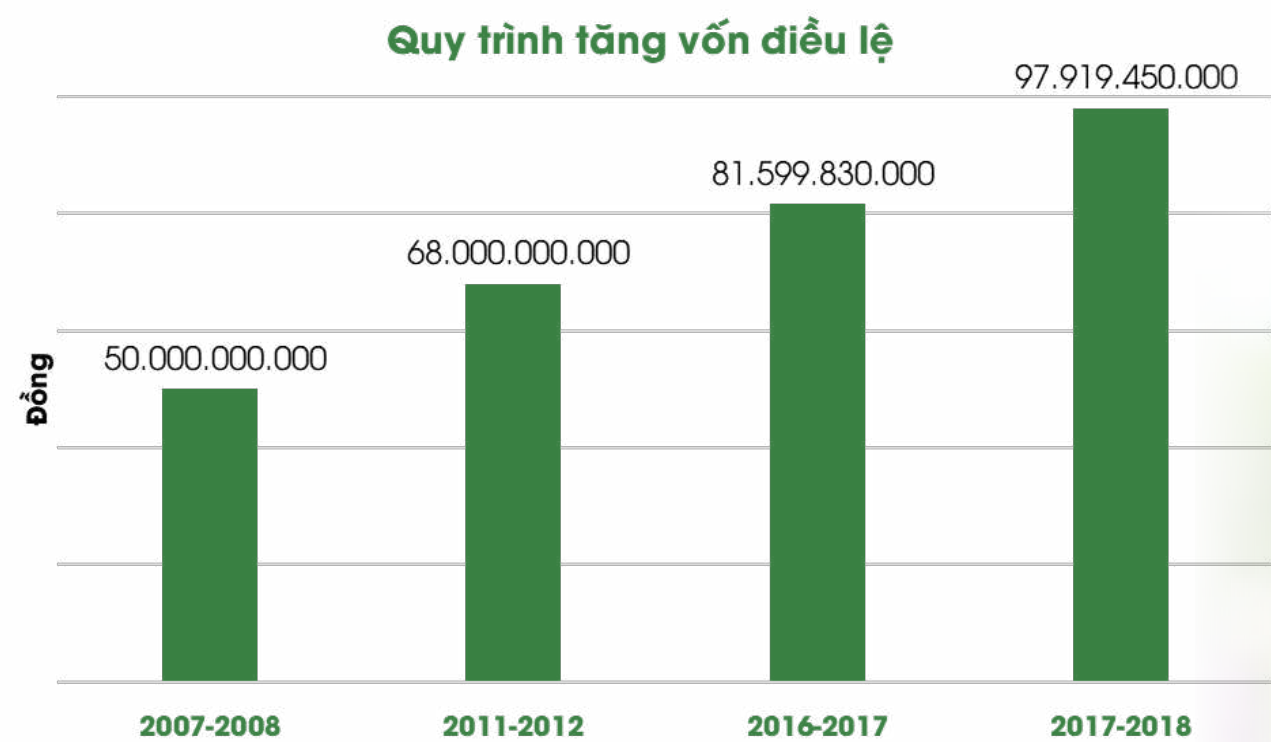
Các giao dịch liên quan đến cổ đông lớn, giao dịch giữa người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cp	Tỷ lệ	Số cp	Tỷ lệ	
1	Đặng Việt Anh	CT HĐQT	73.958	0,76%	963.878	9,84%	Mua

Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu



Quá trình tăng vốn điều lệ



Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát & Tổng giám đốc

STT	Chức vụ	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	15.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	12.000.000
3	Thành viên HĐQT	8.000.000
4	Trưởng BKS	8.000.000
5	Thành viên BKS	4.000.000
6	Thư ký Công ty	4.000.000



Báo cáo của ban kiểm soát về tình hình quản trị - sản xuất kinh doanh

1. Nhân sự và hoạt động của BKS

Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát họp 2 kỳ trong năm đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để triển khai thực hiện các nội dung công việc theo trách nhiệm và bảng phân công thẩm quyền của Ban kiểm soát.

2. Hoạt động kiểm tra, giám sát của BKS

Kết thúc năm tài chính (từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/06/2022), Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.
- Kiểm tra, soát xét việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc các giải pháp khắc phục.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất để triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng ngoài ra còn ban hành các loại văn bản khác để chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty trong các cuộc họp hoặc bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, ban hành các

quản trị, Ban điều hành đóng góp ý kiến trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ, theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định tổ chức kiểm tra định kỳ báo cáo tài chính, quý năm của Công ty; xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trước và sau quá trình kiểm toán. Ngoài ra ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng của Công ty.
- Đến thời điểm báo cáo 30/06/2022, ban kiểm soát không nhận bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

chủ trương, giải pháp và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty như chỉ đạo thực hiện dự án đầu tư nâng cấp thiết bị; Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định đáp ứng mía đủ công suất hoạt động cho nhà máy theo từng giai đoạn, tiêu thụ sản phẩm đường và các phụ phẩm.

- Hội đồng quản trị đã tích cực chỉ đạo, sâu sát trong việc quản lý

và giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao. Trong công tác quản trị doanh nghiệp Hội đồng quản trị luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch và nhất quán từ việc định hướng chiến lược đến việc chỉ đạo và kiểm tra

cụ thể mọi hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị trong công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và thực hiện các giao dịch với người có liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty.

4. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác điều hành của ban tổng giám đốc công ty

4.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của năm tài chính (01/07/2021 đến 30/06/2022) với các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 01/07/2021 30/06/2022	TH 01/07/2021 30/06/2022	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
1. Tổng DT&TNTC& TN khác	Tr.đ	1.037.000	885.065	85,35
2. Tổng chi phí	Tr.đ	962.000	697.426	72,50
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	75.000	187.639	250,18
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	75.000	187.639	250,18
5. Lãi cơ bản/cổ phiếu	Đồng	7.659	19.163	
6. Chia cổ tức bằng tiền		30% vốn ĐL		

- Kết quả doanh thu thực hiện so với kế hoạch từ 01/07/2021 đến 30/06/2022 đạt 85,35% do tình hình tiêu thụ đường có thời gian chậm lại do dịch bệnh. Mặc dù Công ty đã mở rộng thị trường bán buôn trong nước, ổn định các khách hàng truyền thống và tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ đến các khách hàng thương mại và sản xuất công nghiệp.
- Tổng chi phí thực hiện so với kế hoạch từ 01/07/2021 đến 30/06/2022 đạt 72,50%, trong điều kiện công ty phải tăng giá mía cho người trồng mía, giá cước vận chuyển mía tăng và giá cả các mặt hàng vật tư hoá chất đều tăng. Tuy vậy, Công ty vẫn cố gắng hết sức trong việc tiết giảm mọi chi phí từ các định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí sản xuất chung ...

- Lợi nhuận thực hiện đạt kế hoạch 250,19% nguyên nhân chủ yếu là do giá cả đường thế giới tăng và khiến giá cả trong nước tăng đồng thời khi có quyết định chính thức áp thuế CBPG và CTC nên giá đường trong nước ổn định tăng. Ngoài ra tốc độ giảm chi phí lớn hơn tốc độ giảm doanh thu do vậy lợi nhuận vượt mức kế hoạch.
- Việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 22/09/2021, chi trả 80 % VDL là 78.335.560.000 đ trích lập các quỹ 4 tỷ. Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối là 418.112.615.580 đ.
- Tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu bằng 30% VDL theo nghị quyết năm 2021 hoặc tỷ lệ khác do ĐHĐCĐ này quyết định.

4.2 Công tác điều hành của ban tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã bám sát và triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tập trung điều hành sản xuất linh hoạt kịp thời, chủ động rà soát tập trung nguồn lực, chủ động đối phó với các khó khăn của ngành mía đường. Ban điều hành thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, quy chế Công ty và chủ trương định hướng của Hội đồng quản trị, Công bố thông tin được đảm bảo đúng quy định.

- **Công tác nguyên liệu:** Về diện tích thực hiện tăng 19% so với năm trước nhưng do thời tiết bất lợi kéo dài nên một số diện tích thu hoạch trễ bị giảm năng suất, năng suất bình quân 64,35 tấn/ha, sản lượng thu hoạch được 588.799 tấn, thu hồi nợ trong năm đạt 99,74%, một số công nợ sẽ thu bằng tiền mặt hoặc chuyển sang vụ sau. Tình hình nguyên liệu mía ngày càng khó khăn do diện tích đất băng mủm giảm trong khi diện tích đất phát triển mới tăng ở địa hình đồi dốc, manh mún; giao thông khó khăn; trình độ kỹ thuật chuyên canh mía của nông dân mới còn nhiều hạn chế, chi phí phân bón cao và nhân công thiếu trong khi cơ giới hóa khó thực hiện.

- **Công tác vận chuyển mía:** Lượng xe vận chuyển tại địa bàn khá dồi dào, cộng với việc nhà máy đã hạ bãi để hạn chế bốc đêm. Nên lượng mía vận chuyển hàng ngày đáp ứng được công suất của nhà máy, giảm bức xúc của người dân trong công tác vận chuyển mía. Mặc dù cự ly vận chuyển không xa, nhưng do chất lượng đường kém vận chuyển mía có cấp độ khó khăn, nguy hiểm và rủi ro lớn. Đầu vụ bà con thường đóng góp để tu sửa đường (công ty cũng có hỗ trợ sửa chữa là 1 tỷ 360) nhưng do độ dốc cao, gặp mưa lại hư hỏng nặng. (Đây là yếu tố cản trở rất lớn cho việc phát triển diện tích). Cước v/c mía tăng do các vùng thuận lợi gần diện tích giảm lớn, diện tích phát triển tập trung ở vùng cao, xa Công ty cộng nên đơn giá cước cũng tăng. Đến cuối vụ, một số địa bàn bị thiếu nhân công dồn chặt, giá thu hoạch tăng cao.

- **Công tác khuyến nông:** Ban điều hành đã bố trí cán bộ, nhân viên thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, vận động chủ

mía thực hiện đúng, đủ quy trình trong chăm sóc, thu hoạch ... không có mía giảm chất lượng do rệp hại. Tuy nhiên tiềm năng tăng năng suất của cây mía còn hạn chế. Bộ giống còn đơn điệu, chủ yếu giống chủ lực chín muộn (R579 chiếm 73,25%), giống chín sớm chỉ chiếm 24,6% còn lại giống khác). Diện tích phát triển nguyên liệu tập trung ở các vùng điều kiện tự nhiên không thuận lợi (đất đồi cao, đất dốc, manh mún, bạc màu, khô hạn), không thể thâm canh, trình độ canh tác thấp, thu hoạch, chăm sóc 100% là thủ công

- **Về chính sách hỗ trợ:** Công ty duy trì tốt chính sách hỗ trợ cho phát triển vùng nguyên liệu như: Sửa chữa đường giao thông, chi phí chuyển đổi cây trồng; đào hố; đào rãnh, kinh phí cho hoạt động tại địa phương (Bản, xã...), hỗ trợ giống mía chín sớm, có năng suất cao, từng bước thực hiện cơ giới hóa, trong khâu trồng và chăm sóc mía, bước đầu mang lại hiệu quả tốt. Dự kiến cho vụ 2022-2023 diện tích và sản lượng mía tiếp tục tăng, do Công ty tiếp tục tăng cường hỗ trợ và có thông báo giá mua mía ổn định để kích thích nông dân trồng mía và cạnh tranh với các cây trồng khác.

- **Công tác sản xuất:** Sản lượng đường sản xuất chỉ đạt 89,5% so với kế hoạch nguyên nhân do nguyên liệu mía giảm, số lượng mía làm giống tăng (34.088 tấn), Hiệu suất an toàn thiết bị đạt (97,89%); Hiệu suất an toàn đạt lao động tốt (100%); công suất ép bình quân đạt 102,97% so với KH. Việc thực hiện các định mức vật tư hóa chất nhà máy đường đang từng bước điều chỉnh phù hợp với chất lượng theo yêu cầu Công ty. Trong năm thời tiết không thuận lợi nên cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình chế biến. Tuy nhiên với sự cố gắng của toàn thể nhà máy đường và Ban quản lý dự án nâng công suất từ mùa bảo dưỡng sửa chữa lớn đến mùa sản xuất đạt được kết quả tương đối khả quan

- Việc tiêu thụ sản phẩm đường, mật theo đúng số lượng và giá cả đã được HĐQT phê duyệt. Giá đường trong vụ có tăng do kết quả việc đầu tư thiết bị để nâng cao công suất và chất lượng đường. Sản phẩm đường của công ty đã chiếm được vị thế trên thị trường đường trong nước. Sản phẩm đường của Công

ty đã đạt chuẩn ISO và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- Phương án khoán đối với hoạt động của XNKD Nông sản về bán, đường lễ vẫn tiếp tục duy trì tạo sự chủ động cho đơn vị và Công ty. Việc kinh doanh xăng dầu cũng góp phần tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

- Việc sản xuất phân vi sinh để cung cấp cho nông dân cũng được Công ty quan tâm. Nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của XN nguyên liệu, trong năm lượng phân vi sinh sản xuất 2.654 tấn. Lương bùn, tro được tiêu thụ hết góp phần bảo vệ được môi trường.

- Việc tham gia liên doanh liên kết với Công ty Nông nghiệp Tô Hiệu cũng mang lại hiệu quả về kinh tế và nhất là đảm bảo việc cung cấp mía cho Công ty.

- Công tác tổ chức lao động: Việc tăng năng suất lao động được HĐQT Và BGĐ rất xem trọng, việc trả lương trong Công ty theo phương án khoán luôn kích thích người lao động tăng năng suất, tiền lương bình quân trong năm có tăng so với năm trước nên đã khuyến khích người lao động luôn có trách nhiệm và gắn bó

4.3 Một số tồn tại, hạn chế:

- Bộ máy nhân sự mặc dù đã được quan tâm về tuyển dụng và đào tạo song vẫn còn nhiều hạn chế chủ yếu về nhân sự của xí nghiệp chế biến đường.
- Vùng nguyên liệu của Công ty quá nhiều hộ nhỏ lẻ, đất đồi núi nên việc quản lý khá phức tạp, việc bổ sung giống mía mới có năng suất và chất lượng chưa được thay thế. Vấn đề đưa cơ khí hóa vào đồng ruộng cực kỳ khó khăn.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban điều hành

- Ban kiểm soát luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của các cổ đông, sự phối hợp cộng tác tích cực của HĐQT và BDH theo đúng chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Cổ đông và Công ty.
- Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương của Hội đồng quản trị, ban điều hành đã được cung cấp kịp thời cho ban kiểm soát. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời ban kiểm soát tham gia và đóng góp ý kiến độc lập trong công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi để ban kiểm soát tiếp cận với hoạt động của Công ty. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban điều hành ghi nhận và tiếp thu.

6. Kế hoạch hoạt động niên độ 2022 - 2023

Niên độ 2022-2023, BKS duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ hàng quý, năm theo quy định của điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS với mục tiêu chung là giám sát tình hình hoạt động SXKD và tài chính của Công ty; giám sát các hoạt động quản trị và điều hành; phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban TGD và cổ đông

Nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, các nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư nguyên liệu mía và giá thành sản phẩm.
- Kiểm tra việc mua nguyên liệu và bán sản phẩm
- Thẩm định báo cáo tài chính quý và năm
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ ban kiểm soát

7. Kiến nghị của ban kiểm soát

1

Công tác nguyên liệu: Đề nghị HĐQT, BDH tiếp tục có các chính sách thu mua, đầu tư và hỗ trợ phù hợp cho việc tăng diện tích, nên chú ý việc thâm canh, giống mía mới, phân bón phù hợp và cơ khí hóa để nâng cao năng suất, chất lượng mía, tăng thu nhập cho bà con và góp phần giảm giá thành sản phẩm mía cây.

2

Phát triển nhiều kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

3

Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực kinh doanh chế biến đường.

4

Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn. Do vậy cần tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong mọi lĩnh vực nhất là nhân sự cho nhà máy đường, bố trí đúng người, đúng việc để tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Công bố thông tin niên vụ 2021 - 2022

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã chính thức trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán từ năm 2012. Ban lãnh đạo Công ty ý thức rất rõ những trách nhiệm mà một Công ty đại chúng cần phải thực hiện, đặc biệt là trách nhiệm liên quan đến công khai, minh bạch thông tin Công ty

Công ty cũng giao nhiệm vụ cho các cán bộ có năng lực, trách nhiệm phụ trách việc công bố thông tin cho Công ty cũng như hợp tác với các đơn vị tư vấn để hoạt động công bố thông tin nói riêng và quan hệ nhà đầu tư nói chung của Công ty được triển khai một cách chuyên nghiệp, đạt hiệu quả cao nhất. Công ty cam kết luôn thực hiện đầy đủ pháp luật về quản trị công ty đại chúng, pháp luật về chứng khoán cũng như công bố thông tin được quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Thông tư 96/2020/TT-BTC, v.v..

Công ty luôn công bố đầy đủ và đúng thời hạn các công bố định kỳ như: Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính năm kiểm toán, Báo cáo thường niên 2020, CBTT về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, và các công bố bất thường khác.

CBTT Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính quý I, II, III, IV
- Báo cáo tài chính bán niên 2021 - 2022
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính bán niên
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế tại BCTC đã kiểm toán của năm 2021 - 2022
- BCTC năm 2021 - 2022 đã kiểm toán

CBTT Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Tài liệu họp ĐHCĐ 2021, ĐHCĐ 2022 (30/08/2022)
- Biên bản, nghị quyết ĐHCĐ 2021

CBTT Báo cáo thường niên

- Báo cáo thường niên 2021

CBTT Khác

- Các nghị quyết của HĐQT
- Các quyết định bổ nhiệm
- Báo cáo tình hình quản trị công ty
- Quy chế công bố thông tin
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ
- Các CBTT bất thường, theo yêu cầu khác theo quy định

Phần III: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng quan ngành mía đường **52**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư **54**

Tình hình tài chính **56**



Tổng quan kinh tế, ngành mía đường 2021 - 2022

Kinh tế thế giới nửa cuối năm 2021 nằm trên đà hồi phục nhưng tăng trưởng không đồng đều giữa các khu vực do mức độ can thiệp với các quy mô khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế của mỗi quốc gia. Điển hình như các quốc gia phát triển trên thế giới được dự báo có mức tăng trở lại cao, như Mỹ với 5,9%, Trung Quốc với mức 8,0%. Khu vực Liên minh châu Âu (EU) cũng được dự báo tăng trưởng trở lại. Trong khi đó các quốc gia tại khu vực Đông Nam Á chỉ được dự báo tăng trưởng ở mức 3,0%. Bên cạnh đó, đại dịch covid-19 cũng gây ra nhiều lo ngại đối với tỷ lệ lạm phát tăng cao xuất phát từ một số nguyên nhân như sau: 1- Các biện pháp can thiệp của chính phủ các quốc gia trong chính sách tài khóa và tiền tệ làm gia tăng các hoạt động kinh tế hoặc thu hẹp các khoảng cách đối với các sản phẩm đầu ra nhằm giải phóng nhu cầu bị dồn nén và tiết kiệm tích lũy trong thời gian bị ngưng trệ bởi đại dịch; 2- Giá hàng hóa thế giới tăng nhanh đối với một số mặt hàng thiết yếu và nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng trong sản xuất do gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc do chi phí vận tải gia tăng; 3- Sự thiếu hụt cả đầu vào và đầu ra trong chuỗi cung ứng khi các quốc gia thực hiện các biện pháp giãn cách, hạn chế các hoạt động kinh tế.



Đến cuối năm 2021, tỷ lệ tiêm phòng ở Việt Nam cũng như trên thế giới đạt mức an toàn nhất định nhưng tình hình kinh tế, sản xuất, giao thương toàn cầu khó

có thể phục hồi ngay lập tức trong nửa đầu năm 2022. Việt Nam nửa cuối năm 2021, nửa đầu năm 2022 vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Đứng trước tình hình đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi. Kinh tế - xã hội Việt Nam 6 tháng đầu năm 2022 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo giảm sau hai năm bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và tác động từ cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà để hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đề ra, ngày 08/01/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; ngày 30/01/2022 ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình. Triển khai thực hiện các Nghị quyết trên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết, từ đó tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh đã trở lại trạng thái bình thường như trước khi xảy ra dịch Covid-19. Đây chính là điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam nửa đầu năm 2022 với sự hồi phục mạnh mẽ, nhanh chóng, đồng thời kiểm soát tốt lạm phát trước bối cảnh lạm phát ở Hoa Kỳ tăng cao.

Thị trường đường thế giới trong niên vụ 2021-2022 cũng ghi nhận những sụt giảm nhất định từ cả nguồn cung và lượng tiêu

thụ. Theo số liệu của Tổ chức Đường Quốc tế (ISO), sản lượng đường toàn cầu có thể ghi nhận mức thâm hụt 2,6 triệu tấn trong niên vụ 2021-2022 trong bối cảnh thời tiết bất lợi ở Brazil và sự cạnh tranh của ethanol với đường. Đối với mức tiêu thụ trên thế giới, Tổ chức ước tính mức tăng 1,2% trong niên vụ 2021-2022. FAO dự báo sản lượng đường thế giới niên vụ 2021-2022 đạt 173,7 triệu tấn, tăng 2,2% so với niên vụ 2020-2021. Sự tăng trưởng chủ yếu dựa trên kỳ vọng phục hồi sản xuất ở Liên minh châu Âu, Nga và Thái Lan. Triển vọng cũng thuận lợi ở Ấn Độ, trong khi ở Brazil, nhà sản xuất lớn nhất thế giới, sản lượng được dự báo sẽ giảm vụ thứ hai liên tiếp.



Đối với thị trường trong nước, Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) cho biết trong tháng 6/2022 các nhà máy của ngành đường Việt Nam đã hoàn thành vụ mía 2021-2022. Lũy kế đến kết thúc vụ, toàn ngành đã ép được 7,5 triệu tấn mía sản xuất được gần 741.700 tấn đường, tăng hơn 11,6% về sản lượng mía ép và 7,5% về sản lượng đường so với vụ ép mía 2020-2021. Mặc dù nửa đầu tháng 4/2022, thị trường đường ghi nhận nhu cầu tăng nhẹ trong giai đoạn phục hồi sau dịch Covid-19 nhưng giá đường chưa cải thiện nhiều khi nguồn cung vẫn dồi dào. Dưới ảnh hưởng giá đường tăng trên thị trường quốc tế và cước vận chuyển tăng do tăng giá nhiên liệu, đường nhập khẩu chính ngạch từ các nước ASEAN và đường nhập lậu từ các tỉnh biên giới với Cam-pu-chia và Lào dù đã phải điều chỉnh tăng nhưng vẫn

thấp hơn giá thành sản xuất đường từ mía nên vẫn chiếm ưu thế thị trường. Nửa cuối tháng 4/2022, đường nhập lậu và đường nhập khẩu từ các nước ASEAN tràn ngập và hoàn toàn chiếm lĩnh thị trường với ưu thế giá rẻ hơn giá thành đường từ mía, khiến cho đường sản xuất từ mía không thể tiêu thụ. Từ đó tạo nên sức ép cạnh tranh lớn về giá đối với đường trong nước. Trước bối cảnh đó, Bộ Công Thương đã áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế đối với đường nhập khẩu, biện pháp phòng vệ thương mại đối với các sản phẩm đường mía từ 5 nước ASEAN (Indonesia, Malaysia, Campuchia, Lào, Myanmar). Đây sẽ là cơ sở để các doanh nghiệp mía đường trong nước như Mía đường Sơn La có lợi thế cạnh tranh trước đường nhập khẩu và kỳ vọng giá đường nội địa thời gian tới sẽ tăng trở lại dưới sự tác động từ thị trường quốc tế cũng như sẽ cao hơn giá thành sản xuất đường từ mía khi hoạt động gian lận thương mại đường nhập lậu được kiểm soát.

Đứng trước những thách thức rất lớn trong giai đoạn bản lề này, Hội đồng quản trị Công ty đã có kế hoạch, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt và các nhiệm vụ dài hạn của từng đơn vị trong Công ty. Trong dài hạn, Mía đường Sơn La vẫn sẽ đi theo tiêu chí phát triển bền vững, hội nhập với xu thế công nghệ và tiếp tục trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tiếp tục khảo nghiệm để lựa chọn nâng cao chất lượng giống mía, trồng mía hồ trên địa hình đồi dốc, trồng mía thu; đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến đường để nâng công suất chế biến nhằm thu hoạch mía đúng vụ, tăng hiệu quả thu hồi mía đường; đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng đường thành phẩm để tăng tính cạnh tranh về số lượng tiêu thụ và giá bán trên thị trường. Ban lãnh đạo cũng sẽ cân nhắc cẩn trọng những khó khăn của thị trường, thời tiết trong giai đoạn tới để đưa ra những kế hoạch sản xuất, hoạt động phù hợp, đảm bảo sự bền vững cho Công ty.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư

1. Kết quả sản xuất

Tổng sản lượng mía: 588.799 tấn
Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư: 99,7%
Tổng sản lượng đường sản xuất đạt 67.696 tấn, tương đương 89,5% kế hoạch
Công suất ép đạt 4.840 TMN, 2,97% so với kế hoạch
Năng suất bình quân 64,35 tấn/ha

2. Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện niên vụ 2020 - 2021	Niên vụ 2021 - 2022		
		Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
Tổng doanh thu	815.630.702.775	1.037.000.000.000	884.625.400.481	85,31%
Tổng chi phí	651.821.607.973	962.000.000.000	696.986.201.360	72,45%
Lợi nhuận trước thuế	163.809.094.802	75.000.000.000	187.639.199.121	250,19%
Lợi nhuận sau thuế	163.809.094.802	75.000.000.000	187.639.199.121	250,19%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	16.729	7.659	19.163	250,20%

Trong niên vụ 2021 - 2022, tổng doanh thu của Công ty là 884,63 tỷ đồng, đạt 85,31% so với kế hoạch đặt ra, tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm đường, mật rỉ và bã bùn tiếp tục đóng góp tỉ trọng lớn nhất cho doanh thu. Về cơ bản, Công ty đã hoàn thành sát mục tiêu về doanh thu do Đại hội Đồng cổ đông đặt ra. Tổng chi phí trong kỳ là 696,93 tỷ đồng, tương ứng 72,45% kế hoạch, tăng 6,92% so với cùng kỳ niên vụ trước. Chi phí thực hiện tăng nhẹ chủ yếu đến từ chi phí giá vốn hàng bán do Công ty bán được nhiều hàng hóa hơn, ngoài ra chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng nhưng không đáng kể so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tổng chi

phí thực hiện ít hơn đáng kể so với kế hoạch, đồng thời tốc độ tăng doanh thu cao hơn tốc độ tăng chi phí. Điều này giúp Công ty vẫn đạt được kết quả lợi nhuận khả quan là 187,64 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch đặt ra (+250,19%) và tăng 14,55% so với cùng kỳ năm trước. Những kết quả tích cực này đã giúp lãi cơ bản trên một cổ phiếu của SLS đạt 19.163 đồng, tăng 14,5% so với niên vụ trước. Nhìn chung, Công ty đã thực hiện xuất sắc kế hoạch đặt ra từ đầu niên vụ, nhất là đối với khía cạnh tối thiểu và tối ưu hóa chi phí. Từ kết quả này, Công ty sẽ có những điều chỉnh phù hợp hơn về kế hoạch kinh doanh trong tình hình niên vụ sắp tới.

	2018	2019	2020	2021	2022
TỔNG DOANH THU	622,55	890,18	1.065,74	815,64	884,62
Doanh thu thuần	600,73	877,64	1048,34	801,14	868,97
Doanh thu hoạt động tài chính	17,22	10	16,67	14,07	14,46
Doanh thu khác	4,6	2,54	0,73	0,43	1,19
TỔNG CHI PHÍ	506,603	826,933	946,427	651,825	696,930
Giá vốn hàng bán	443,204	759,056	878,506	600,481	643,716
Chi phí tài chính	36,296	48,284	44,996	33,417	30,780
Chi phí bán hàng	4,228	4,634	4,721	3,403	3,130
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,885	14,629	17,864	14,034	19,304
Chi phí khác	2,99	0,33	0,34	0,49	0,56
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	115,946	63,246	119,322	163,81	187,64
Lợi nhuận từ HĐKD	114,336	61,036	118,932	163,87	186,51
Lợi nhuận khác	1,61	2,21	0,39	-0,06	1,13
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	115,934	63,237	119,317	163,809	187,64

Đơn vị: triệu đồng

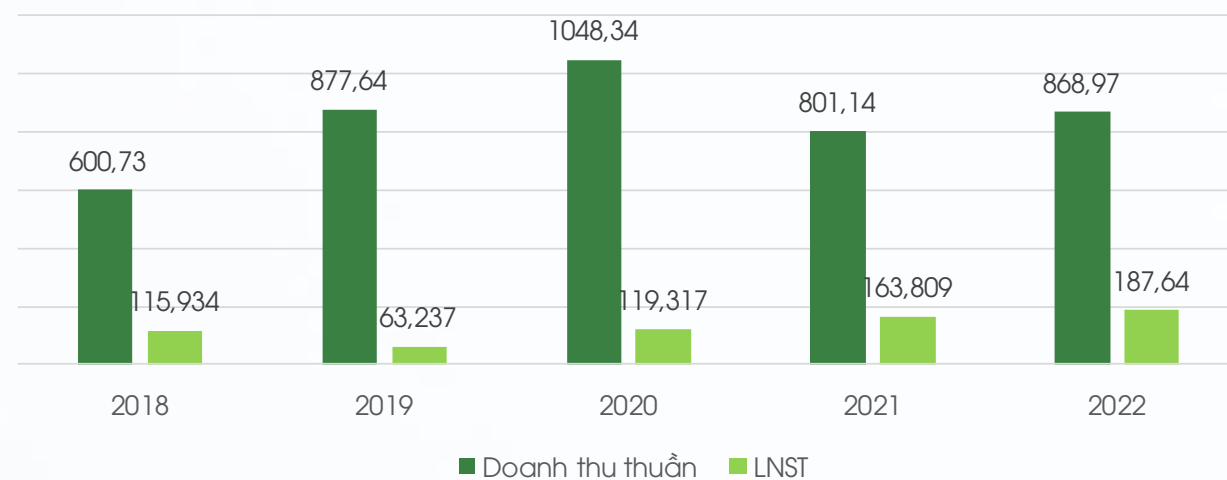
Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
ROS	19,3	7,21	11,38	20,45	21,59
ROE	25,8	12,88	22,19	26,68	26,49
ROA	9,99	4,67	9,82	14,12	14,59
EPS (đồng/cổ phiếu)	12.419	6.458	12.185	16.729	19.163

Đơn vị: %

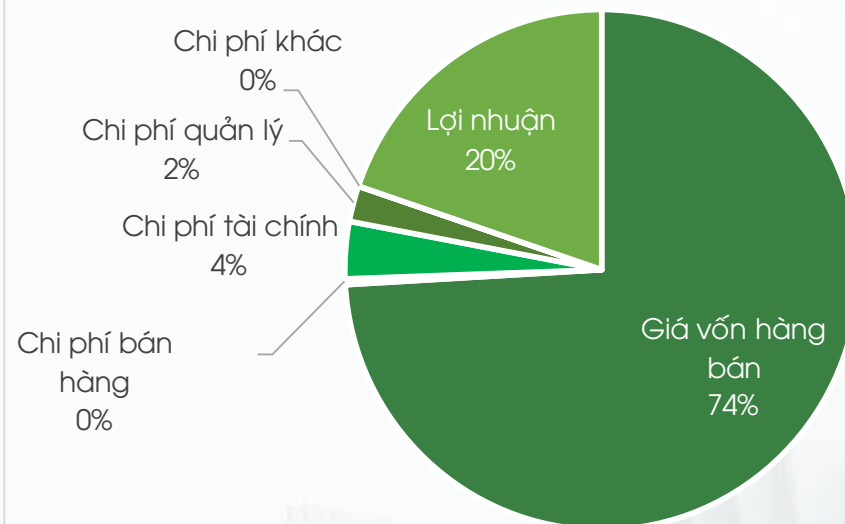
Niên vụ 2021 - 2022, Doanh thu của Công ty đạt 884,64 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu (chiếm 74%). Giá vốn hàng bán cùng các khoản mục chi phí khác tiếp tục giữ ổn định so với niên vụ 2020 - 2021, một số khoản mục thay đổi nhưng không đáng kể. Doanh thu tăng, cơ cấu chi phí thay đổi không nhiều, điều này đã giúp Công ty đạt được mức lợi nhuận 187,64 tỷ đồng, tăng 14,55% so với cùng kỳ năm trước. Niên

vụ 2021 - 2022, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu lợi nhuận so với doanh thu, con số này vẫn giữ vững mức 20%. Công ty cũng có lợi thế vì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn kinh tế khó khăn, giúp Công ty tiếp tục gia tăng đáng kể phần lợi nhuận. Điều này góp phần khiến các chỉ số sinh lời của Công ty, từ hệ số lợi nhuận trên tổng doanh thu (ROS), hệ số lợi nhuận trên tài sản bình quân (ROA), hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) cải thiện đáng kể, tiến gần đến mức đỉnh trong giai đoạn 2017.

Doanh thu thuần & LNST



Cơ cấu doanh thu

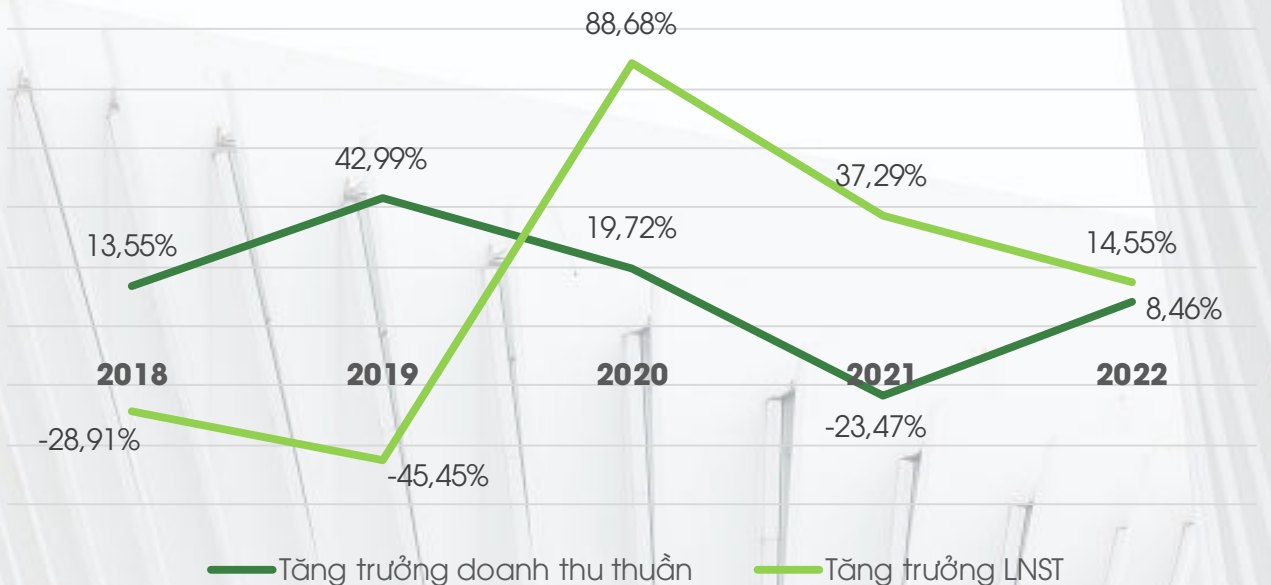


Tình hình tài chính

Tăng trưởng

Thị trường đường trong nước gặp rất nhiều khó khăn trong những năm qua do áp lực cạnh tranh cao nên tốc độ tăng trưởng của Công ty không lớn, tuy nhiên niên vụ 2021 - 2022 doanh thu đã có bước tăng trưởng dương so với niên vụ trước. Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế vẫn ở mức dương. Nhìn chung xu hướng tăng trưởng ảnh hưởng rất nhiều vào biến động thị trường do đặc thù ngành mía đường trong nước.

Tốc độ tăng trưởng



Dòng tiền

Niên vụ 2021 - 2022, do tồn đọng một lượng lớn hàng thành phẩm trong hàng tồn kho nên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm. Cũng trong niên vụ này Công ty đã tăng đầu tư cho việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác để duy trì cũng như nâng cao năng lực sản xuất. Để tài trợ cũng như bù đắp sự thiếu hụt của dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và dòng tiền từ hoạt động đầu tư, Công ty đã tăng vay nợ ở mức hợp lý đảm bảo duy trì nguồn tiền mặt ở trong trạng thái ổn định. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững quan điểm thận trọng trong việc cân đối và quản trị rủi ro dòng tiền để đảm bảo sức khỏe tài chính bền vững cho Công ty

Chỉ tiêu	2021	2022	Tăng, giảm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4.674.467.769	4.489.086.530	(185.381.239)
Lưu chuyển tiền thuần trong niên vụ	(185.381.239)	2.202.829.000	2.388.210.239
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	102.422.414.651	(36.883.911.963)	(139.306.326.614)
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(10.340.902.370)	(20.162.455.514)	(9.821.553.144)
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(92.266.893.520)	59.249.196.477	151.516.089.997
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.489.086.530	6.691.915.530	2.202.829.000

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Niên vụ 2021 - 2022, Công ty tiếp tục duy trì và giữ vững các chỉ tiêu về khả năng sinh lời. Chỉ tiêu về Biên lợi nhuận gộp, Biên lợi nhuận ròng, Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân đều tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu giảm nhẹ, nhưng không đáng kể. Sản phẩm đường, mật rỉ, bã bunn tiếp tục chiếm tỉ trọng lớn nhất trong doanh thu thuần (gần 86%)

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Biên lợi nhuận gộp	26,22%	13,51%	16,2%	25,05%	25,92%
Biên lợi nhuận ròng	19,3%	7,21%	11,38%	20,45%	21,59%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân	25,8%	12,88%	22,19%	26,68%	26,49%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân	9,99%	4,67%	9,82%	14,12%	14,59%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Niên vụ 2021 - 2022, Công ty vẫn duy trì số vòng quay phải thu khách hàng mà không có sự tăng lên. Điều này vẫn xuất phát từ việc nền kinh tế hồi phục chậm cũng như do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều khách hàng của Công ty vẫn gặp khó khăn trong việc thanh toán khiến cho số ngày khách hàng thanh toán vẫn chưa được cải thiện. Tuy nhiên trong thời gian chậm thanh toán, khách hàng vẫn phải trả lãi vay cho Công ty bằng lãi suất Công ty vay ngân hàng. Trong niên vụ tới, khi tỷ lệ bao phủ vaccine ở mức cao, dịch bệnh Covid-19 được đẩy lùi, nền kinh tế hồi phục nhanh chóng. Công ty sẽ cố gắng cải thiện vấn đề này bằng cách làm việc và đốc thúc khách hàng hơn trong việc thanh toán các khoản nợ

Trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi chậm cùng với sự hiện diện của khối lượng lớn đường nhập lậu, đường và chất ngọt nhập khẩu chính ngạch trên thị trường khiến cho đầu ra của đường sản xuất từ mía bị thu hẹp. Điều này dẫn tới số lượng hàng thành phẩm tồn đọng của Công ty tăng lên khiến cho số vòng quay hàng tồn kho giảm xuống. Thời gian tới, Công ty sẽ cố gắng đẩy nhanh tốc độ bán hàng để cải thiện tình trạng kể trên.

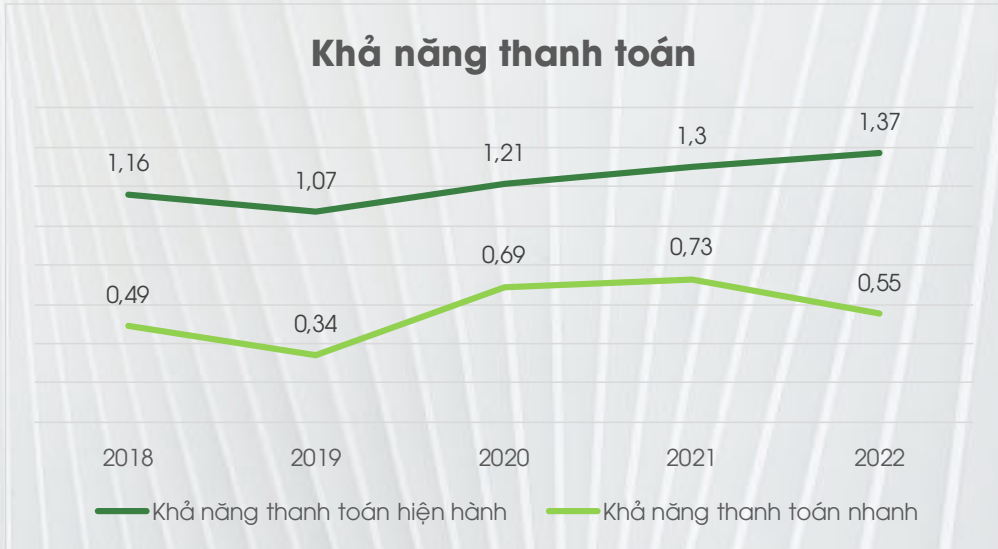
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
Số vòng quay phải thu khách hàng	Vòng	1,99	3,41	4,71	2,86	2,86
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	181	106	76	126	127
Số vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,37	1,74	2,78	2,69	1,79
Số ngày tồn kho	Ngày	264	207	130	134	204

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá các chỉ tiêu thanh toán của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định. Theo đó, Công ty có đủ nguồn lực và không gặp bất kỳ khó khăn nào trong việc thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

Niên vụ 2021 - 2022, Công ty tăng vay nợ nhưng không đáng kể, chủ yếu là nợ ngắn hạn, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty đã cải thiện so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, khả năng thanh toán lãi vay của Công ty tăng nhẹ so với niên vụ 2020 - 2021, tiếp tục đạt mức cao nhất trong 4 niên vụ trở lại đây

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Khả năng thanh toán hiện hành	1,16	1,07	1,21	1,30	1,37
Khả năng thanh toán nhanh	0,49	0,34	0,69	0,73	0,55
Khả năng thanh toán lãi vay	4,25	2,33	3,72	5,9	6,23



Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	2021	Tỉ trọng	2022	Tỉ trọng	Thay đổi
TÀI SẢN NGẮN HẠN	565.390.612.744	47,40%	779.346.292.945	56,49%	37,84%
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.489.086.530	0,38%	6.691.915.531	0,49%	49,07%
Các khoản phải thu ngắn hạn	313.617.740.086	26,29%	304.156.045.415	22,05%	-3,02%
Tài sản ngắn hạn khác	8.646.800	0,00%	23.633.602	0,00%	173,32%
Hàng tồn kho	247.275.139.328	20,73%	468.474.698.397	33,96%	89,45%
TÀI SẢN DÀI HẠN	627.497.176.068	52,60%	600.223.798.784	43,51%	-4,35%
Tài sản cố định	607.948.061.927	50,96%	558.845.062.501	40,51%	-8,08%
Tài sản dở dang dài hạn	6.648.075.545	0,56%	29.778.736.283	2,16%	347,93%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.600.000.000	0,97%	11.600.000.000	0,84%	0,00%
Tài sản dài hạn khác	1.301.038.596	0,11%	-	0,00%	-100%
TỔNG TÀI SẢN	1.192.887.788.812	100,00%	1.379.570.091.729	100,00%	15,65%

Tổng tài sản trong niên vụ 2021 - 2022 của Công ty đạt 1.379,57 tỷ đồng, tăng 15,65% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty không thay đổi nhiều so với niên vụ trước.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn tiếp tục chiếm tỉ trọng cao nhất, lần lượt là 33,96% và 22,05%. Trong khi hàng tồn kho tăng 89,45% yoy thì các khoản phải thu ngắn hạn giảm nhẹ 3,02% yoy. Như đã trình bày ở phần trước đó, niên vụ 2021 - 2022 với bối cảnh nền kinh tế hồi phục chậm, thêm vào đó là sự hiện diện của khối lượng lớn đường nhập lậu khiến cho đầu ra của đường sản xuất từ mía bị thu hẹp. Điều này giải thích cho thực trạng lượng hàng thành phẩm của Công ty bị tồn đọng, làm cho hàng tồn kho tăng lên đáng kể so với niên vụ

2020 - 2021. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục cố gắng đẩy nhanh tốc độ bán hàng để đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh của mình.

Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản dài hạn là khoản mục tài sản cố định (chiếm 40,51%), trong niên vụ 2021 - 2022, tài sản cố định giảm 8,08% yoy, chủ yếu là do khấu hao. Cũng trong niên vụ này, tài sản dở dang dài hạn tăng 2,16% so với cùng kỳ năm trước, xuất phát từ việc Công ty đầu tư vào các dự án để nâng công suất, cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này là hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh nền kinh tế dần đi vào ổn định, việc đầu tư mở rộng sản xuất để đón đầu những cơ hội, triển vọng mới trong thời gian sắp tới.

Cơ cấu nguồn vốn

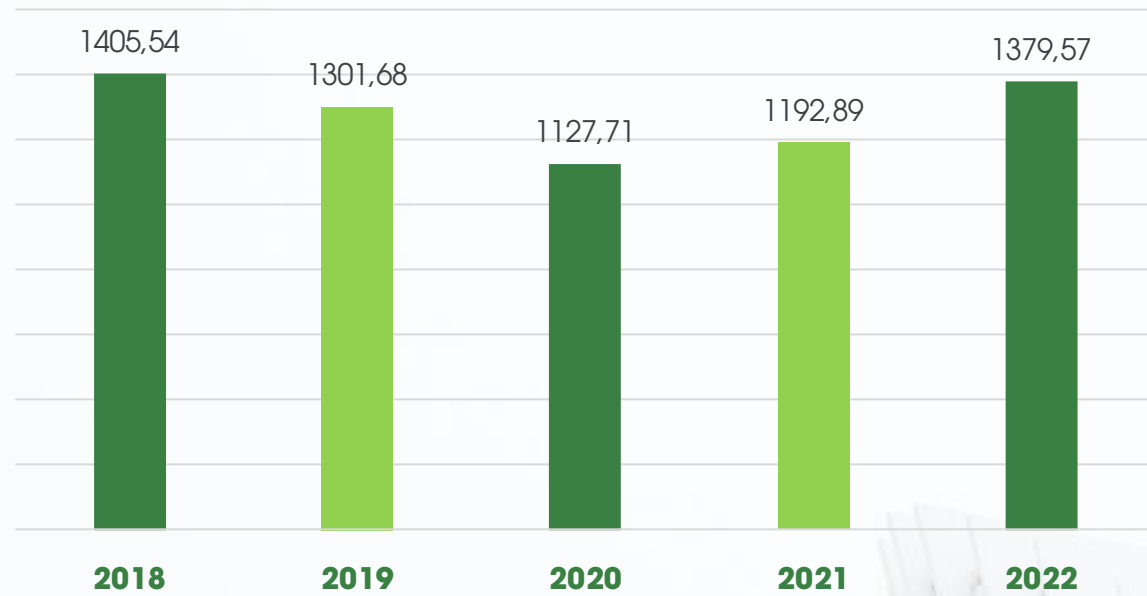
Chỉ tiêu	2021	Tỉ trọng	2022	Tỉ trọng	Thay đổi
NỢ PHẢI TRẢ	536.104.594.266	44,94%	619.492.409.198	44,90%	15,55%
Nợ ngắn hạn	433.704.594.266	36,36%	569.392.409.198	41,27%	31,29%
Nợ dài hạn	102.400.000.000	8,58%	50.100.000.000	3,63%	-51,07%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	656.783.194.546	55,06%	760.077.682.531	55,10%	15,73%
Vốn chủ sở hữu	656.783.194.546	55,06%	760.077.682.531	55,10%	15,73%
TỔNG NGUỒN VỐN	1.192.887.788.812	100,00%	1.379.570.091.729	100,00%	15,65%

Niên vụ 2021 - 2022, Tổng nguồn vốn của Công ty đạt 1.379,57 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 0,815. Công ty tiếp tục duy trì tỉ lệ nợ - vốn chủ ổn định, gần như không có sự thay đổi so với niên vụ trước. Đứng trước bối cảnh kinh tế khá tương đồng trong hai niên vụ, việc duy trì cơ cấu nợ - vốn chủ so với cùng kỳ năm trước là hoàn toàn hợp lý. Điều này giúp Công ty đảm bảo tính thanh khoản cũng như hạn chế bớt rủi ro từ đòn bẩy tài chính trong một giai đoạn tương đối khó khăn của thị trường trong nước. Đối với nợ phải trả, nợ ngắn hạn vẫn là nguồn cung cấp vốn chủ yếu, chiếm tới 41,27% tổng nguồn vốn. Trong niên

vụ này, Công ty tiếp tục tăng vay nợ ngắn hạn (+31,29% yoy), giảm vay nợ dài hạn (-51,07% yoy). Điều này cũng là một phần trong kế hoạch giảm thiểu rủi ro vay nợ khi chuyển nguồn cấp vốn chủ yếu sang ngắn hạn, cũng như do nhu cầu thiếu hụt nguồn vốn ngắn hạn của Công ty tại một số thời điểm trong năm. Đối với nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty tiếp tục duy trì tỉ trọng nguồn vốn chủ sở hữu so với niên vụ trước (55,1%). Nguồn tài trợ chính cho vốn chủ sở hữu trong niên vụ 2021 - 2022 chủ yếu đến từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

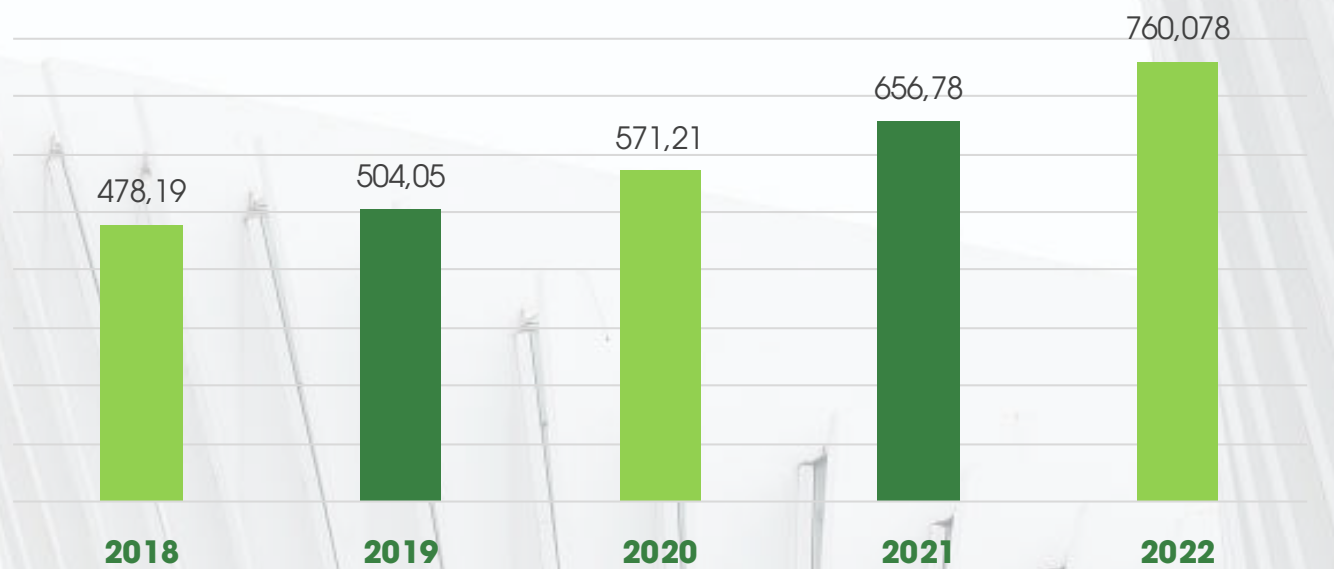


Tổng tài sản qua các năm



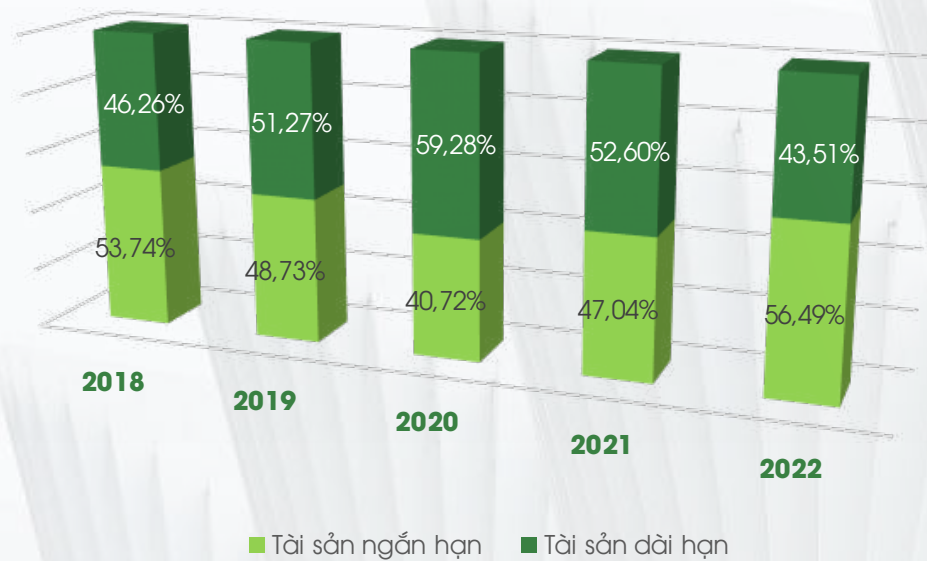
Đơn vị: Tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

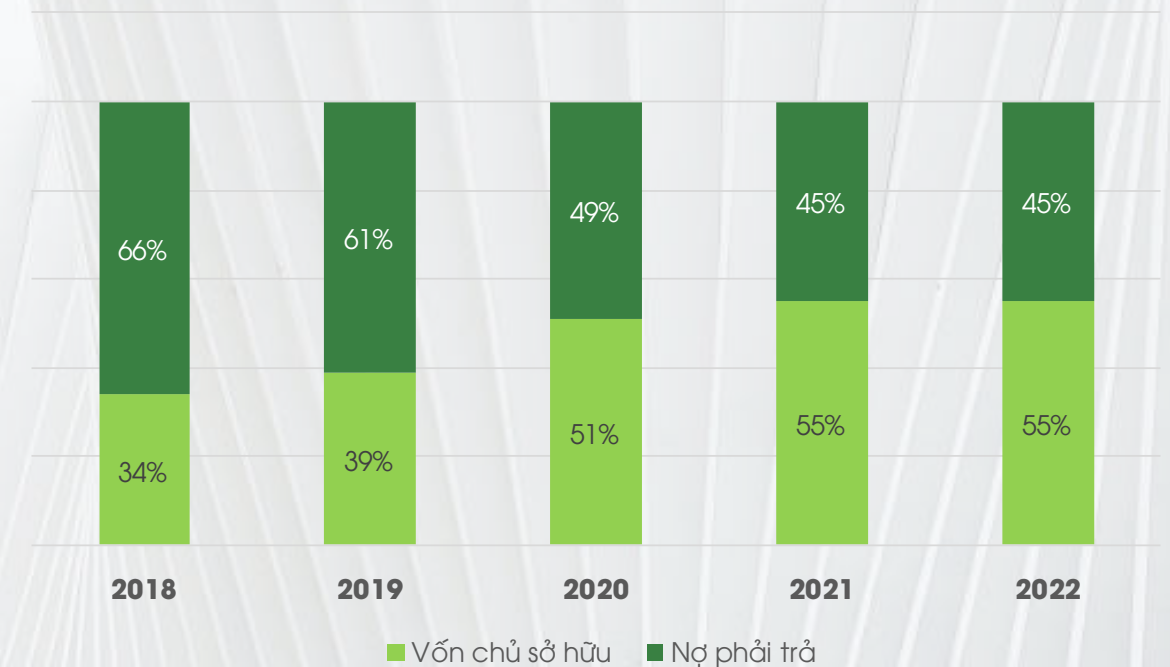


Đơn vị: Tỷ đồng

Cơ cấu tài sản qua các năm



Cơ cấu nguồn vốn



Phần IV: Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Công tác sản xuất mía nguyên liệu **66**

Công tác sản xuất chế biến đường **67**

Công tác lao động tiền lương **68**

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh **69**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022 - 2023 **70**



Công tác sản xuất mía nguyên liệu

1. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu niên vụ 2021 - 2022

Trong niên vụ 2021-2022, tổng quan về vùng nguyên liệu của Công ty thể hiện ở kết quả sau

Số hộ trồng mía: 9.800 hộ (tăng 1,03%)

Diện tích mía ký hợp đồng: 9.151 ha (Tăng so với diện tích vụ 2020-2021 là 1.513 ha)

Năng suất bình quân: 64,35 tấn/ha

Tổng sản lượng mía: 588.799 tấn (tăng 12,68%)

Trong đó:

Sản lượng mía đưa vào chế biến: 554.711 tấn (Kế hoạch 605.000 tấn, đạt 91,7% so với kế hoạch - tăng 16,57% so với niên vụ 2020-2021)

Sản lượng mía để giống: 34.088 tấn

Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư: 99,7%

2. Đánh giá

Thuận lợi

- Chính sách đầu tư thu mua phù hợp với điều kiện thực tiễn, hấp dẫn được người trồng mía (niên vụ 2021-2022 ngoài việc tăng giá mua mía, Công ty đã chi hỗ trợ vùng nguyên liệu 37,2 tỷ đồng), nên trong lúc nhiều doanh nghiệp trong ngành Mía đường diện tích nguyên liệu giảm sâu nhưng tại Công ty CP Mía đường Sơn La diện tích vùng nguyên liệu vẫn ổn định và tăng hơn năm trước, sản lượng mía nguyên liệu vẫn đáp ứng đủ cho chế biến.

- Được sự quan tâm, tin tưởng, hợp tác gần bó của chính quyền địa phương các cấp và người trồng mía

- Công suất ép ổn định nên công tác thu hoạch mía thuận lợi hơn nhiều so với các vụ ép trước, mía chặt đến đâu được vận chuyển đến đó không còn tình trạng mía tồn trên ruộng

- Đội ngũ nhân viên địa bàn có nhiều kinh nghiệm, tận tụy với công việc, thường xuyên bám sát ruộng đồng, quản lý và đôn đốc hướng dẫn nông dân thực hiện đúng, đủ quy trình chăm sóc, thu hoạch để cây mía đạt năng suất và chất lượng cao.

Khó khăn, tồn tại

- Sản lượng mía đưa vào chế biến không đạt kế hoạch, nguyên nhân là do thời tiết bất lợi kéo dài làm giảm năng suất và sản lượng mía, mặt khác một phần mía nguyên liệu được chuyển sang mía giống

- Địa hình đồi dốc, manh mún, gây khó khăn trong việc áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất. Đa số đường nội đồng có độ dốc cao, rủi ro lớn, di chuyển khó khăn nên chi phí vận chuyển bình quân cũng tăng mạnh.

- Diện tích dịch chuyển tới vùng cao, xa nhà máy, điều kiện để đầu tư, thâm canh của người trồng mía còn hạn chế... dẫn đến năng suất và thu nhập của người trồng mía không cao.

- Điều kiện thời tiết hết sức bất lợi. Giai đoạn mía cần phát triển sinh khối thì nắng hạn kéo dài dẫn đến năng suất thấp. Khi vào vụ chế biến thì mưa lớn nhiều đợt (cục bộ có sương muối hoặc sương mù kéo dài) nên kế hoạch dồn chặt trong vụ mất cân đối, chi phí phụ trợ cho thu hoạch- vận chuyển cũng tăng theo

- Việc tư thương mua tranh mía do Công ty đầu tư vẫn tiếp diễn
- Về cuối vụ, một số địa bàn bị thiếu nhân công dồn chặt, giá thu hoạch tăng cao

Công tác sản xuất chế biến đường

1. Kết quả sản xuất đường niên vụ 2020 - 2021

Trong năm 2021-2022, Công ty tập trung quyết liệt công tác điều hành sản xuất để đảm bảo hoàn thành kế hoạch, trọng tâm là công tác sửa chữa bảo dưỡng trước vụ, công tác điều hành sản xuất trong vụ ép mía. Bằng các hình thức: Tăng cường kiểm soát, cải tiến công tác quản lý điều hành, hạn chế tổn thất nhiên, nguyên liệu... từ đồng ruộng đến nhà máy chế biến. Thực hiện triệt để tiết kiệm, giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm

Trong vụ Bảo dưỡng sửa chữa lớn thiết bị 2021, Công ty đầu tư bổ sung thêm 1 nồi nấu đường non B liên tục, 1 nồi nấu gián đoạn cho đường non A 60 tấn và một số thiết bị phụ trợ để duy trì công suất ép của nhà máy đường theo thiết kế, hiệu suất tổng thu hồi của nhà máy và đảm bảo thu hoạch 100% diện tích mía nguyên liệu trong khung thời vụ

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện	Kế hoạch	So sánh thực hiện/KH (%)
1	Công suất ép bình quân	%	4.840	4.700	102,97
2	Hiệu suất an toàn thiết bị	%	97,89	≥ 98	99,88
3	Hiệu suất an toàn lao động	%	100	100	100
4	Tổng sản lượng đường sản xuất	Tấn	67.696	75.625	89,5

2. Đánh giá

- Công suất ép bình quân thực tế đạt 4.840 TMN so với chỉ tiêu được giao là 4.700 TMN. Kết quả công suất ép bình quân thực tế, hiệu suất an toàn thiết bị cao hơn năm trước là do công đoạn ép mía đã khắc phục được các lỗi của máy ép 1 từ các vụ trước và việc đầu tư bổ sung thiết bị cho nhà máy đã phát huy hiệu quả

- Công đoạn hóa chế đã được đầu tư mới hệ thống lắng nổi mật

chè có thể tích đáp ứng công suất lắng cho CS ép 6.000TMN. Công ty còn đầu tư lắp đặt thêm hệ thống gia nhiệt cấp hai đáp ứng nhiệt độ vào bốc hơi tăng hiệu suất bốc hơi cung cấp hơi cho nấu đường ổn định hơn.

- Thông số Pol bã, Pol bùn đạt được theo kế hoạch, hiệu suất kết tinh trong công đoạn nấu đường được nâng cao nên hiệu suất tổng thu hồi trong chế biến đạt được theo kế hoạch.

- Tất cả các vị trí trên dây chuyền chế biến có nguy cơ xì hở, rò rỉ đường mật được lắp đặt hệ thống thu gom nhằm tận thu tối đa lượng đường trong sản xuất, giảm thiểu tải lượng ô nhiễm cho hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống xử lý nước thải, khí thải của Công ty hoạt động ổn định. Về Công tác bảo vệ môi trường trong vụ ép 2021-2022, công ty được các cơ quan chức năng quản lý môi trường địa phương và trung ương đánh giá tốt.

Để có được kết quả này là nhờ sự quan tâm đầu tư nâng cấp nhà máy chế biến đường đúng hướng và đúng thời điểm của Cổ đông, Hội đồng quản trị trong những năm qua. Bên cạnh đó, Công ty đã vừa thực hành vừa học vừa làm để đào tạo được được đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật khá lành nghề, tâm huyết với công việc đảm bảo được an toàn thiết bị, an toàn lao động và chất lượng sản phẩm đường

Tuy nhiên trong công tác sản xuất chế biến vẫn có một số chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch như sau

- Tổng sản lượng đường sản xuất đạt 89,5% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do lượng mía nguyên liệu đưa vào chế biến thấp hơn dự kiến

Công tác lao động tiền lương & chăm lo cho đời sống người lao động

Năm 2021-2022 đại dịch Covid hoành hành và ảnh hưởng tiêu cực khắp nơi. Công ty đã triển khai kịp thời các biện pháp phòng chống dịch đối với người lao động, các khách hàng, đối tác và xây dựng các phương án ứng phó khi gặp sự cố để không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, bảo vệ

- Thời tiết bất lợi cũng làm chất lượng mía không đảm bảo, ảnh hưởng đến chế biến đường, nước mía sinh keo nhất, độ màu cao, gia tăng lượng hóa chất xử lý. Trong vụ sản xuất 11 lần phải dùng máy để chờ mía do mưa to kéo dài (tổng thời gian dùng ép chờ mía do trời mưa là 444,25 giờ). Một số thời điểm vì ảnh hưởng thời tiết, lượng mía nhập về nhà máy thấp nên dây chuyền phải hoạt động với công suất tối thiểu để chờ dẫn đến công suất ép bình quân giảm theo. Mía gom hạ bãi bị đen đầu, đổ gốc, mọc rễ lên men, chuyển hóa đường... nên chỉ tiêu AP, Bx nước mía đều không đạt, độ màu của nước mía tăng cao tốn kém thêm lượng hóa chất xử lý, sản phẩm trong nửa tháng cuối vụ chất lượng giảm, tỉ lệ mía/ đường không đạt theo kế hoạch.

Ngoài sản phẩm chính, việc sản xuất phân vi sinh và bùn rắc men cung cấp cho nông dân cải tạo đất trồng mía cũng được quan tâm đúng mực. Niên vụ 2021-2022, Công ty sản xuất 2.654 tấn phân vi sinh (tăng hơn vụ ép 2020-2021 là 630 tấn) theo nhu cầu đăng ký của các hộ dân trong vùng nguyên liệu mía, lượng phân bùn rắc men vụ vừa qua cũng được tiêu thụ kịp thời nên không bị tồn tại kho, bãi, đảm bảo cho công tác môi trường

hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ đó dịch bệnh được kiểm soát, việc làm của người lao động ổn định, các chế độ chính sách như: tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, các chế độ phúc lợi - xã hội, tiền bảo hiểm được Công ty chi trả kịp thời đúng quy định, cụ thể:

1. Công tác lao động

Năm 2021-2022, nhân sự trong Công ty ổn định, tổng số lao động định biên của toàn Công ty: 413 người; Toàn bộ số lao động đã được ký HĐ lao động đầy đủ theo quy định của pháp luật, chất lượng lao động cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc, ý thức trách nhiệm của người lao động được nâng cao, góp phần đáng kể trong việc giảm chi phí giá thành sản phẩm.

2. Công tác tiền lương

Ban điều hành Công ty luôn xác định thu nhập của người lao động là yếu tố quan trọng hàng đầu để người lao động yên tâm gắn bó với Công ty, nên Công ty luôn quan tâm nâng cao năng lực sản xuất tạo thu nhập cho người lao động. Năm 2021-2022 tiền lương B/q của người lao động là 7.800.000 đồng/tháng (tăng 300.000đ/người/tháng so với năm 2020-2021) và được Công ty chi trả đầy đủ, kịp thời theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết



Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2021- 2022 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều địa phương trên cả nước thực hiện giãn cách xã hội, sản xuất và tiêu dùng bị đình trệ, giao thương buôn bán hết sức khó khăn, vì vậy sản lượng tồn kho tăng cao...dẫn đến chỉ tiêu Tổng doanh thu không đạt kế hoạch. Chỉ tiêu Tổng chi phí cũng giảm, tuy nhiên tốc độ giảm chi phí lớn hơn tốc độ giảm doanh thu vì vậy lợi nhuận được nâng lên, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã được thông qua tại ĐHCĐ năm 2021 là 150,18%

Các chế độ chính sách của người lao động như tiền thưởng, ăn ca, tiền bảo hiểm được Công ty thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động và quy định của pháp luật hiện hành

3. Công tác chăm lo cho đời sống người lao động

Công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động như: Tặng quà vào các dịp lễ 30/4; 02/9; Tết Nguyên đán; Ngày bước vào vụ...và mua thẻ bảo hiểm con người tặng cho người lao động với kinh phí trong năm 2021-2022 là 1.551 triệu đồng. Vừa qua, Công ty còn tổ chức cho người lao động tham quan du lịch, nghỉ dưỡng với tổng số tiền là 1.201,3 triệu đồng. Công đoàn Công ty cũng luôn quan tâm, động viên người lao động như: Thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ và tặng quà động viên Người lao động nhân dịp đón xuân đầu năm, Quốc tế phụ nữ, khen thưởng khuyến học ...tổng kinh phí chi trong năm gần 200 triệu đồng.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 - 2022

Tổng doanh thu toàn công ty: **1.110.731 triệu đồng**

Tổng chi phí: **1.035.431 triệu đồng**

Lợi nhuận trước thuế TNDN: **75.300 triệu đồng**

Lợi nhuận sau thuế TNDN: **75.300 triệu đồng**

Ngày 15/6/2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1578/QĐ-BCT về áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính thức đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan. Ngày 01/08/2022, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1514/QĐ-BCT về áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ 5 nước Asean là Cam-pu-chia,

In-đô-nê-xi-a, Lào, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma. Các chính sách này mang đến những tín hiệu tích cực cho ngành Mía đường Việt Nam trong thời gian vừa qua, làm giảm tác động cạnh tranh không lành mạnh của đường Thái Lan đối với ngành sản xuất trong nước. Tuy nhiên dự báo năm 2022-2023 ngành mía đường vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đó là: nạn buôn lậu, gian lận thương mại vẫn chưa được kiểm soát triệt để, giá cả vật tư nông nghiệp tăng cao làm giảm thu nhập của người trồng mía, vùng nguyên liệu của Công ty ngày càng bị cạnh tranh khốc liệt với các loại cây trồng khác.

Thành quả đạt được trong năm vừa qua đã chứng minh các chủ trương của Cổ đông, các quyết sách của Hội đồng quản trị là đúng hướng, đúng

thời điểm. Ban Điều hành công ty luôn tin tưởng vào kế hoạch, định hướng của Cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành Công ty xin hứa sẽ nỗ lực cố gắng để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sau: Góp phần phát triển kinh tế địa phương; Bảo vệ môi trường; Hỗ trợ phát triển cộng đồng; đảm bảo chất lượng sản phẩm; Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty để ổn định nguồn mía nguyên liệu đáp ứng được công suất dây chuyền chế biến của Nhà máy, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và CBCNLD trong công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông. *Cụ thể là:*

- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, mở rộng thị trường tiêu thụ, duy trì mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

- Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực kinh doanh chế biến đường.

- Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp và chung tay phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Tham gia tích cực với các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn, thực hiện có hiệu quả các chương trình an sinh xã hội và khẳng định được vị thế của cây mía là cây xóa đói giảm nghèo bền vững, góp phần trong chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương trong vùng nguyên liệu mía.

Phần V: Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá tình hình chung **74**

Hoạt động của HĐQT năm 2021 - 2022 **74**

Thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký **76**

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động **76**

Các nghị quyết, quyết định trong năm **78**

Kế hoạch, định hướng 2022 - 2023 **82**



Đánh giá tình hình chung

Năm 2021 và 2022 được xem là năm khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam. Đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp và khó lường, làm gián đoạn hoạt động giao thương của các quốc gia trên thế giới, tác động không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam và cuộc sống của người dân. Những tác động của đại dịch Covid 19 gây ảnh hưởng dây chuyền làm nhu cầu tiêu thụ giảm, chuỗi cung ứng đứt gãy, lưu thông hàng hóa khó khăn, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao...Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nhiều vùng trồng mía nguyên liệu. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua của Công ty gặp rất nhiều khó khăn thách thức.

Nhận thức rõ những khó khăn phải đương đầu, Hội đồng quản trị đã có kế hoạch, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt và dài hạn của Công ty, đó là:

- **Về Nông nghiệp:** Xây dựng các

chương trình nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu mía bằng áp dụng kỹ thuật chăm sóc, phân bón; Hỗ trợ để người trồng mía cơ giới hóa công tác làm đất trên địa hình đồi dốc; Ban hành các chính sách đầu tư, thu mua phù hợp để tăng diện tích vùng nguyên liệu.

- **Về Công nghiệp chế biến:** Đầu tư thêm thiết bị và nâng cấp dây chuyền chế biến đường nhằm nâng công suất chế biến, tăng hiệu quả thu hồi mía/đường; nâng cao chất lượng đường thành phẩm; đầu tư cải tạo hệ thống xử lý chất thải đảm bảo an toàn cho môi trường.

Dự báo được tình hình thực tế, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Hội đồng quản trị đã đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm 2021-2022 và được Đại hội thông qua phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện.

động của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật. Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã điều hành các hoạt động của Hội đồng Quản trị theo đúng thẩm quyền. Các quyết nghị thông qua tại các phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên. Hội đồng quản trị thường xuyên có sự thảo luận, hội ý và thống nhất các ý kiến chỉ đạo đối với từng công việc phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia mở rộng của Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và các đơn vị có liên quan nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt các khó khăn và đưa ra các chỉ đạo kịp thời theo từng lĩnh vực được phân công theo dõi, giám sát. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích

cực quản lý, giám sát công ty; đưa ra những đánh giá, ý kiến khách quan nhằm mục tiêu tăng cường công tác quản trị công ty.

Trong vai trò quản trị, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và sát cánh cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt đảm bảo đúng định hướng “Tăng trưởng bền vững - hiệu quả hợp lý” cho Công ty và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý điều hành.

Căn cứ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị tự đánh giá, năm 2021-2022 tập thể Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 - 2022

Hội đồng quản trị luôn hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông.

Năm 2021-2022 Hội đồng quản trị đã

tổ chức 09 kỳ họp trực tiếp và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành ba tám (38) Nghị quyết, bảy mốt (71) Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và tổ chức nhân sự để chỉ đạo kịp thời các hoạt

Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, Thư ký năm tài chính 2021 - 2022

Tổng thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm tài chính 2021-2022 là 840.000.000 đồng, nằm trong khuôn khổ mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm tài chính 2021-2022 là 373.067.818 đồng, thấp hơn mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2021 - 2022

1. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Hội đồng quản trị thường xuyên triển khai nội dung chương trình cụ thể đến Ban điều hành (bằng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị); Ban điều hành đã triển khai kịp thời và đem lại hiệu quả đáng khích lệ. Cụ thể là:

- **Công tác nguyên liệu mía:** Ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ, phát triển vùng nguyên liệu phù hợp nên trong lúc nhiều Công ty khác trong ngành thiếu nguyên liệu trầm trọng thì tại Công ty sản lượng mía vẫn đảm bảo, đáp ứng được công suất chế biến của dây chuyền;
- **Công tác chế biến:** Chỉ đạo công tác Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2021 đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật nên dây chuyền chế biến đường hoạt động ổn định công suất đạt kế hoạch, chất lượng đường được nâng cao; đảm bảo an toàn thiết bị và môi trường;
- **Công tác tổ chức:** Chú trọng việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ và công nhân kỹ thuật, tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp định biên lao động phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của công ty;

- **Công tác mua sắm vật tư :** Được cân nhắc và khảo sát kỹ thị trường trước khi mua nên tiết giảm được chi phí khá lớn;
- **Công tác Quản lý tài chính:** Công tác quản lý Tài chính từng bước được cải tiến một cách khoa học, đảm bảo tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát, các thông tin, báo cáo về Tài chính được thực hiện kịp thời, đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các thủ tục về mua, bán, thanh, quyết toán được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và quy định của pháp luật.

Năm 2021-2022 Tổng doanh thu không đạt kế hoạch do dịch bệnh Covid -19 kéo dài, cả nước thực hiện giãn cách xã hội, sản xuất và tiêu dùng bị đình trệ, giao thương buôn bán hết sức khó khăn, vì vậy tồn kho tăng cao, doanh thu giảm

Tuy vậy, Công ty đã phấn đấu tiết giảm chi phí, hạ giá thành nên lợi nhuận sau thuế tăng 14,54 % so với năm 2020-2021 và tăng 150,18% so với kế hoạch.

Đánh giá tổng quan năm 2021-2022, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông năm 2021 giao, thị phần giữ được mức ổn định, đây là kết quả rất đáng phấn khởi trong bối cảnh ngành đường Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn.

2. Một số công tác khác

- Song song với mục tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung công việc theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với công ty niêm yết.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo luật định. Duy trì trật tự kỷ cương, đoàn kết nội bộ trong công ty.
- Thực hiện tốt các quy định về An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động theo luật định, tích cực thực hiện Bảo vệ môi trường.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng giám đốc và người điều hành khác

Năm 2021- 2022 là năm có nhiều biến động, ảnh hưởng khó khăn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy vậy Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận và đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất trong 05 năm gần đây.

Quá trình kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các chủ

trương, chỉ đạo của HĐQT trong tất cả các lĩnh vực: xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất đường và các phụ phẩm, tài chính, phát triển thị trường, bố trí nhân lực ...đã được Ban Tổng giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời với tinh thần trách nhiệm cao giúp cho Công ty hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu SXKD.

Căn cứ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị đánh giá, niên độ 2021-2022 ban Tổng giám đốc và người điều hành khác đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Với kết quả đạt được, hình ảnh của Công ty tiếp tục được giữ vững, uy tín của Công ty với khách hàng, đối tác và đặc biệt với các cổ đông ngày càng được nâng cao.

4. Những hạn chế còn tồn tại

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh đạt được của năm 2021-2022 là khả quan so với tình hình chung của ngành mía đường trong nước, tuy nhiên Hội đồng quản trị nhận thấy và tự đánh giá vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Tính ổn định của vùng mía nguyên liệu vẫn chưa được đảm bảo, cạnh tranh giữa các loại cây trồng vẫn diễn ra gay gắt, thu nhập từ cây mía chưa thực sự hấp dẫn đối với bà con nông dân; diện tích vùng nguyên liệu ở địa bàn gần, đất bằng ngày càng bị thu hẹp dẫn đến giá thành mía nguyên liệu ngày càng tăng, cơ cấu giống mía chưa hợp lý.
- Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn.

Các nghị quyết, quyết định trong năm

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	27/NQ-HĐQT	03/07/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
2	28/NQ-HĐQT	28/07/2021	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐCĐTN 2021
3	29/NQ-HĐQT	19/08/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
4	30/NQ-HĐQT	30/08/2021	Phê duyệt chương trình, nội dung, tài liệu ĐHCĐTN năm 2021
5	31/NQ-HĐQT	07/09/2021	Phê duyệt BC KT – KT đầu tư xây dựng Hạng mục “Đường dây và trạm biến áp 35kV” dự án Nhà máy điện sinh khối
6	32/NQ-HĐQT	13/09/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
7	33/NQ-HĐQT	24/09/2021	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 - 2021
8	34/NQ-HĐQT	29/09/2021	Chi trả trước cổ tức năm 2020 - 2021
9	35/NQ-HĐQT	05/10/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
10	37/NQ-HĐQT	06/10/2021	Thông qua định hướng PT Vùng NL
11	38/NQ-HĐQT	31/10/2021	Thông qua việc thực hiện giao dịch tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sơn La
12	39/NQ-HĐQT	19/11/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
13	40/NQ-HĐQT	22/11/2021	Thông qua chính sách thu mua niên vụ 2021 – 2022; Đầu tư, phát triển nguyên liệu vụ 2022 - 2023
14	41/NQ-HĐQT	25/11/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
15	42/NQ-HĐQT	10/12/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
16	43/NQ-HĐQT	10/12/2021	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán
17	44/NQ-HĐQT	13/12/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
18	45/NQ-HĐQT	22/12/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
19	46/NQ-HĐQT	24/12/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
20	01/NQ-HĐQT	21/01/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
21	02/NQ-HĐQT	08/02/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
22	03/NQ-HĐQT	25/02/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
23	04/NQ-HĐQT	02/03/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
24	05/NQ-HĐQT	12/03/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng

25	06/NQ-HĐQT	15/03/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
26	07/NQ-HĐQT	15/03/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
27	08/NQ-HĐQT	07/04/2022	Thông qua đầu tư nhà máy SX phân vi sinh
28	09/NQ-HĐQT	15/04/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
29	10/NQ-HĐQT	15/04/2022	Thông qua vay vốn tại MB Sơn La
30	11/NQ-HĐQT	29/04/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
31	12/NQ-HĐQT	12/05/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
32	13/NQ-HĐQT	12/05/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
33	14/NQ-HĐQT	13/05/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
34	15/NQ-HĐQT	17/05/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
35	16/NQ-HĐQT	18/05/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
36	17/NQ-HĐQT	26/05/2022	Phê duyệt: Miễn nhiệm, bổ nhiệm một số chức danh cán bộ quản lý
37	18/NQ-HĐQT	11/06/2022	Thông qua kế hoạch bán hàng
38	19/NQ-HĐQT	16/06/2022	Thống nhất mức thù lao HĐQT-BKS-Thư ký trình ĐHCĐ TN 2022

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	31/QĐ-HĐQT	02/07/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
2	35/QĐ-HĐQT	03/07/2021	Phê duyệt trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho
3	36/QĐ-HĐQT	06/07/2021	Phê duyệt chi thưởng vụ SX 2020-2021
4	39/QĐ-HĐQT	09/07/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
5	40/QĐ-HĐQT	10/07/2021	PD bổ sung Quỹ lương năm 2020-2021
6	41/QĐ-HĐQT	10/07/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
7	42/QĐ-HĐQT	16/07/2021	Phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện năm tài chính 2020-2021
8	43/QĐ-HĐQT	24/07/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
9	44/QĐ-HĐQT	24/07/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
10	45/QĐ-HĐQT	24/07/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
11	46/QĐ-HĐQT	28/07/2021	Phê duyệt hạng mục tự thực hiện của DA
12	47/QĐ-HĐQT	28/07/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
13	49/QĐ-HĐQT	08/08/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
14	50/QĐ-HĐQT	08/08/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
15	51/QĐ-HĐQT	08/08/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
16	53/QĐ-HĐQT	13/08/2021	Phê duyệt KH bảo dưỡng sửa chữa

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
17	56/QĐ-HĐQT	01/09/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
18	57/QĐ-HĐQT	03/09/2021	Phê duyệt mua sắm Vật tư
19	58/QĐ-HĐQT	03/09/2021	Phê duyệt mua sắm Vật tư
20	59/QĐ-HĐQT	14/09/2021	Phê duyệt phụ cấp Ban QLDA
21	60/QĐ-HĐQT	14/09/2021	Phê duyệt Báo cáo KT-KT ... dự án điện sinh khối
22	63/QĐ-HĐQT	22/09/2021	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
23	64/QĐ-HĐQT	22/09/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị
24	65/QĐ-HĐQT	22/09/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT
25	67/QĐ-HĐQT	05/10/2021	Phê duyệt chi thưởng cho HĐQT, Ban KS, Ban ĐH Công ty
26	68/QĐ-HĐQT	08/10/2021	Phê duyệt kết quả nghiệm thu và kinh phí hỗ trợ diện tích trồng mới vụ 2021-2022
27	69/QĐ-HĐQT	09/10/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
28	71/QĐ-HĐQT	28/10/2021	Phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương kế hoạch niên vụ 2021-2022
29	73/QĐ-HĐQT	03/11/2021	Phê duyệt bán vật tư – Phế liệu thanh lý của Công ty
30	75/QĐ-HĐQT	20/11/2021	Phê duyệt mua sắm vật tư
31	77/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Phê duyệt mua sắm Vật tư
32	02/QĐ-HĐQT	10/11/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
33	02/QĐ-HĐQT	10/11/2022	Phê duyệt thanh lý thiết bị
34	04/QĐ-HĐQT	10/11/2022	Phê duyệt kinh phí khen thưởng vụ 2020-2021
35	05/QĐ-HĐQT	12/01/2022	Phê duyệt bổ sung chính sách đầu tư PT vùng nguyên liệu vụ 2022-2023
36	09/QĐ-HĐQT	22/01/2022	KH mua phân bón đầu tư cho VNL niên vụ 2022-2023
37	10/QĐ-HĐQT	27/01/2022	PD lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo ng/cứu khả thi “Dự án nhà máy đồng phát điện” Công ty CP Mía đường Sơn La
38	11/QĐ-HĐQT	08/02/2022	Phê duyệt Điều chỉnh chính sách đầu tư PT vùng nguyên liệu 2022-2023
39	12/QĐ-HĐQT	12/02/2022	Kiện toàn Hội đồng tiền lương Công ty CP Mía đường Sơn La

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
40	13/QĐ-HĐQT	12/02/2022	Kiện toàn Hội đồng Thi đua-khen thưởng Công ty CP Mía đường Sơn La
41	14/QĐ-HĐQT	28/02/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
42	15/QĐ-HĐQT	03/03/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
43	16/QĐ-HĐQT	03/03/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
44	17/QĐ-HĐQT	02/04/2022	PD hệ thống thang bảng lương Cấp bậc Công việc của Công ty
45	18/QĐ-HĐQT	04/04/2022	PD KH mua thuốc BVTV niên vụ 2022-2023
46	19/QĐ-HĐQT	07/04/2022	Phê duyệt đơn vị tư vấn DA SX phân VS
47	20/QĐ-HĐQT	23/04/2022	Phê duyệt Bổ sung Quỹ tiền lương KH TC 2021-2022
48	26/QĐ-HĐQT	23/04/2022	Phê duyệt Bổ sung Quỹ tiền lương KH năm TC 2021-2022
49	27/QĐ-HĐQT	27/04/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
50	28/QĐ-HĐQT	05/05/2022	Phê duyệt chủ trương đầu tư thiết bị
51	31/QĐ-HĐQT	16/05/2022	TL Hội đồng kiểm tu, bảo dưỡng sửa chữa năm 2022
52	32/QĐ-HĐQT	20/05/2022	Bổ nhiệm người được UQ CBTT
53	35/QĐ-HĐQT	25/05/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
54	36/QĐ-HĐQT	25/05/2022	Phê duyệt đầu tư bổ sung phân bón vụ 2022-2023
55	37/QĐ-HĐQT	27/05/2022	Miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ quản lý
56	38/QĐ-HĐQT	27/05/2022	Miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ quản lý
55	39/QĐ-HĐQT	27/05/2022	Bổ nhiệm cán bộ quản lý
56	42/QĐ-HĐQT	08/06/2022	Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức bộ máy quản lý điều hành
57	43/QĐ-HĐQT	10/06/2022	Phân công nhiệm vụ các TV Hội đồng quản trị
58	44/QĐ-HĐQT	11/06/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
59	46/QĐ-HĐQT	16/06/2022	Ban hành Quy chế công bố thông tin
60	47/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Thành lập và bổ nhiệm nhân sự Bộ phận kiểm toán nội bộ
61	48/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Ban hành quy chế kiểm toán nội bộ
62	49/QĐ-HĐQT	25/06/2022	PD KH mua vật tư phục vụ SX đường
63	49A/QĐ-HĐQT	25/06/2022	PD KH mua vật tư phục vụ SX đường

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
64	50/QĐ-HĐQT	30/06/2022	PD Kinh phí du lịch; Nghỉ dưỡng năm 2022 cho cán bộ - công nhân người lao động của Công ty
65	51/QĐ-HĐQT	30/06/2022	Phê duyệt mua sắm thiết bị
66	52/QĐ-HĐQT	30/06/2022	Phê duyệt Quyết toán quỹ lương năm 2021-2022 và trích lập dự phòng tiền lương năm T/c 2022-2023
67	53/QĐ-HĐQT	30/06/2022	Phê duyệt trích lập nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Kế hoạch, định hướng cho niên vụ tới

1. Nhận định tình hình chung

Dự báo niên vụ 2022 - 2023 ngành mía đường vẫn gặp nhiều khó khăn. Tuy Chính phủ, các Bộ ngành bước đầu áp dụng một số chính sách phòng vệ thương mại như áp thuế CBPG và CTC đối với một số sản phẩm đường nhập khẩu từ Thái Lan, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Cambodia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar nhưng nạn nhập lậu, gian lận thương mại vẫn chưa được kiểm soát triệt để, biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn ở một số địa phương làm cho diện tích mía giảm sút nghiêm trọng. Giá vật tư, (phục vụ cho sản xuất Nông nghiệp và Công nghiệp), tăng mạnh. Đối với Công ty CP mía đường Sơn La thì cạnh tranh giữa cây mía và các loại cây trồng khác (cây ăn trái, cây ngô ...) ngày càng gay gắt, vùng nguyên liệu ngày càng xa nhà máy, diện tích mía trên đất bằng giảm, diện tích đồi dốc tăng, làm tăng chi phí vận chuyển,

đốn chặt ...

Để tạo nền tảng tiếp tục phát triển bền vững trong tình hình mới chúng ta cần phải chủ động tự đổi mới, có các giải pháp, đối sách phù hợp với thực tế, thực hiện tốt công tác quản lý diện tích vùng nguyên liệu. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển cây mía theo chiều sâu, tăng cường áp dụng tổng hợp các biện pháp thâm canh, giống, phương pháp trồng, chăm sóc và ổn định giá cả thu mua mía, tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể đáp ứng tốt hơn với mọi khó khăn thách thức.

2. Kế hoạch phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ năm 2022 - 2023

Để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định từng bước vượt qua khó khăn thách thức. Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động SXKD năm 2022-2023, với

một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Tổng doanh thu toàn Công ty: **1.110.731 triệu đồng**
 Tổng chi phí: **1.035.431 triệu đồng**
 Lợi nhuận trước thuế TNDN: **75.300 triệu đồng**
 Lợi nhuận sau thuế TNDN: **75.300 triệu đồng**
 Chia cổ tức bằng tiền: **30% vốn điều lệ**

- **Về Nông nghiệp:** Tiếp tục đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía, áp dụng các biện pháp trồng, thâm canh tiên tiến và các loại giống mới để nâng cao năng suất, chất lượng mía. Xây dựng mối quan hệ gắn kết, bám sát và lồng ghép các chỉ tiêu kế hoạch của địa phương để phát triển vùng nguyên liệu mía đảm bảo cho công suất ép 5.200 TMN của nhà máy;

- **Về Chế biến:** Chú trọng công tác bảo dưỡng sửa chữa dây chuyền sản xuất để ổn định công suất chế biến đường đáp ứng chế biến kịp mùa vụ thu hoạch mía và nâng cao chất lượng đường thành phẩm. Tiếp tục xem xét đầu tư các thiết bị mang tính đổi mới công nghệ;

- **Về Tài chính:** Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, quản lý chặt chẽ để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, nâng cao năng lực Tài chính;

- **Về nhân sự:** Xây dựng đội ngũ lãnh đạo điều hành đủ phẩm chất, năng lực và uy tín. Đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao

động; xây dựng môi trường làm việc thân thiện; tuân thủ Luật lao động, chi trả thu nhập tương xứng với năng lực; Quan tâm kịp thời đến các chế độ phúc lợi của Người lao động;

- **Về hiệu quả:** Đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trên cơ sở mọi hoạt động phải tuân thủ Pháp luật; Bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Công ty và các đối tác; Không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu “Mía đường Sơn La”; Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Năm 2022 - 2023, HĐQT sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2022 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và đạt mức tăng trưởng cao;

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự, tăng cường công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho người lao động;

- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể cán bộ công nhân người lao động trong Công ty

- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu

ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía

- Bảo dưỡng thiết bị máy móc nhằm đảm bảo ổn định công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm

- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm

- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành

Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý, hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty

“Năm tài chính 2021-2022 của Công ty đã kết thúc. HĐQT tự đánh giá, kiểm điểm và nhận thấy mặc dù năm qua vẫn còn một số tồn tại hạn chế nhất định, song tập thể HĐQT đã tập trung trí tuệ cùng nhau đoàn kết, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch được ĐHĐCĐ năm 2021 đề ra. HĐQT trân trọng cảm ơn sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động Công ty; hoạt động giám sát có hiệu quả của Ban Kiểm soát; sự giám sát và phối hợp của các cổ đông đã góp phần cho việc hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT.

Trong thời gian đến, để vượt qua những thách thức, hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh và tiếp tục đưa Công ty cổ phần Mía đường Sơn La phát triển bền vững; Hội đồng quản trị rất mong nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý Cổ đông, các đối tác cùng với sự nhiệt tình, nỗ lực, đoàn kết của toàn thể người lao động trong Công ty”





Phần VI: Báo cáo Phát triển bền vững

Mô hình phát triển bền vững **88**

Định hướng phát triển bền vững **89**

Các hoạt động phát triển bền vững **90**

Mô hình phát triển bền vững

Với tư cách là một doanh nghiệp sản xuất đường - ngành sản xuất thực phẩm quan trọng của đất nước, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La ý thức rất rõ vai trò của phát triển bền vững đối với hoạt động và sự phát triển của mình. Định hướng phát triển bền vững sẽ là bước đi đúng đắn và duy nhất đối với Công ty để đạt được các mục tiêu và tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Công ty luôn muốn gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của không chỉ các cổ đông, mà còn là lợi ích của địa phương, của quốc gia, lợi ích môi trường và xã hội, lợi ích của từng người dân trên địa bàn hoạt động và lợi ích của chính các khách hàng, đối tác của Công ty. Trên cơ sở đó, các kế hoạch hành động của Công ty được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Công ty hiện nay.



Định hướng phát triển bền vững

Khách hàng - đối tác

- Đặt uy tín lên hàng đầu, đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn sản phẩm - vệ sinh an toàn thực phẩm (ISO)
- Đối với các đối tác cung cấp nguyên liệu mía đầu vào - phần lớn là các hộ nông dân: cùng hợp tác phát triển, đặt lợi ích kinh tế lâu dài của bà con lên hàng đầu, hỗ trợ về giống mía, phân bón, các điều kiện di chuyển.

Cổ đông

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông với việc thực hiện công bố, minh bạch thông tin, quản trị nội bộ và tài chính theo đúng luật pháp
- Xây dựng chính sách cổ tức hiệu quả, gắn liền với việc gia tăng giá trị tài sản bền vững và vì lợi ích cổ đông
- Xây dựng uy tín thương hiệu **Mía đường Sơn La**, không chỉ là doanh nghiệp hàng đầu đối với ngành mía đường trong nước mà còn hướng tới trở thành nhà sản xuất đường có vị thế trên thị trường quốc tế

Nhà nước

- Tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp, chứng khoán, sản xuất
- Góp phần phát triển ngành mía đường, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.
- Đầu tư, sản xuất trên địa bàn vùng núi khó khăn, góp phần phát triển kinh tế vùng, tối ưu hóa những nguồn lực của đất nước
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế

Người lao động

- Đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ, công nhân, người lao động
- Chính sách lương thưởng hiệu quả
- Chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt là các đối tượng bị ảnh hưởng hoặc có người thân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh

Cộng đồng

- Đảm bảo lợi ích lâu dài cho người trồng mía
- Gắn liền với phát triển kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương
- Thực hiện các hoạt động khuyến học, ủng hộ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào chịu thiên tai, lũ lụt

Môi trường

- Phát triển vùng nguyên liệu bền vững: dùng phân bón cải tạo lại đất
- Bảo vệ môi trường, giảm phát thải carbon và chất thải trong quá trình sản xuất

Các hoạt động phát triển bền vững

Xu thế quản trị Công ty theo hướng phát triển bền vững là tất yếu đối với doanh nghiệp hiện đại. Công ty cổ phần Mía đường Sơn La với tư cách là doanh nghiệp lớn trong ngành mía đường - ngành sản xuất quan trọng, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia - không nằm ngoài xu thế đó. Vùng nguyên liệu chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La nằm tại 2 huyện Mai Sơn và Yên Châu của tỉnh Sơn La, với diện tích trên 9.000 ha, tương đương khoảng 3,4% vùng nguyên liệu mía cả nước. Đây là vùng nguyên liệu được đánh giá là có thổ nhưỡng tương đối phù hợp với cây mía, cho trữ lượng đường trong mía cao và từ đó tạo ra ưu thế về giá nguyên liệu mía đầu vào so với mức giá trung bình trên thị trường. Tuy nhiên, Công ty cũng nhận thức rõ những khó khăn tại khu vực sản xuất này. Thứ nhất, địa hình vùng núi cao Tây Bắc tuy phù hợp với việc canh tác mía nhưng cũng rất khó để cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, chi phí cho việc tăng năng suất mía, chi phí nâng cấp hạ tầng cung ứng chuỗi sản xuất đường là rất đáng kể so với các khu vực trồng mía khác như Thanh Hóa, Đồng bằng sông Cửu Long. Thứ hai, Công ty hiện đang ký hợp đồng trồng và thu mua mía với hơn 9.800 hộ nông dân trên địa phương, chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người. Đây là khu vực kinh tế miền núi có tốc độ phát triển còn thấp so với cả nước, đời sống bà con nông dân còn khó khăn, kỹ thuật nuôi trồng còn nhiều hạn chế, nhiều hộ nông dân dễ lựa chọn chuyển đổi sang các loại cây ăn quả khác

cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Hai khó khăn trên ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty và Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã và đang có những giải pháp triển khai. Cụ thể, Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững, lượng phân bón sản phẩm công ty sản xuất được chủ yếu nhằm bồi đắp, tái tạo lại vùng đất canh tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn hỗ trợ tỉnh trong công tác tu sửa, bảo trì các tuyến đường vận chuyển mía đến nhà máy. Đối với bà con nông dân, Công ty chủ động hỗ trợ về phương diện vốn phương tiện kỹ thuật canh tác, cung cấp các giống mía phù hợp với thổ nhưỡng, có năng suất, chữ đường cao, có khả năng chống chịu thời tiết bất lợi và kháng sâu bệnh. Đối với Công ty, việc tạo ra chuỗi sản xuất bền vững, hiệu quả là lợi ích chung cho cả Mía đường Sơn La, các hộ nông dân trồng mía trên địa bàn và cả bộ mặt kinh tế tỉnh. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La xác định phải đẩy mạnh tốc độ phát triển của công ty, mục tiêu trở thành điểm sáng của ngành mía đường trong giai đoạn khó khăn, gia tăng lợi ích chung cho công ty, cho tỉnh Sơn La nói riêng và xã hội nói chung. Cùng với đó Công ty cũng luôn ý thức được việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, nhất là trong hoạt động kinh doanh và công tác bảo vệ môi trường. Thể hiện ở việc đầu tư cho hệ thống nước thải, trồng cây xanh và vệ sinh công nghiệp. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn luôn mong muốn trở thành công

ty đi đầu về sản xuất mía đường tại Việt Nam, trở thành người bạn đáng tin cậy của người nông dân trồng mía và là một doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh Sơn La.

Các hoạt động phát triển bền vững

- Nghị quyết số 78/NQ-HĐQT ngày 14/11/2018 về việc Thông qua kế hoạch sửa chữa đường giao thông vùng nguyên liệu mía và kinh phí hỗ trợ sửa đường niên vụ 2018-2019.
- Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 05/12/2019 điều chỉnh một số nội dung

liên quan đến chính sách thu mua mía nguyên liệu và giá cước vận chuyển hàng hóa niên vụ 2019-2020.

- Quyết định số 14/QĐ-HĐQT/2021 ngày 07 tháng 04 năm 2021 phê duyệt Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường lên 5.200 TMN.
- Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2022 thông qua "Phê duyệt bổ sung chính sách đầu tư PT vùng nguyên liệu vụ 2022 - 2023".



Phần VII:

Báo cáo tài chính năm 2021 - 2022

Báo cáo của Ban giám đốc **96**

Bảng cân đối kế toán **99**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh **101**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ **102**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính **104**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2022

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La (dưới đây được gọi là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ tám được cấp ngày 28/05/2018.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch
- Ông Trần Ngọc Hiếu	Phó Chủ tịch
- Bà Trần Thị Nhi	Thành viên
- Ông Thái Văn Hùng	Thành viên
- Ông Nguyễn Trường Chinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Trần Ngọc Hiếu	Tổng Giám đốc
- Ông Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Việt Anh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	
- Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	
- Ông Nguyễn Văn Đãi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/09/2021
- Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/09/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2022 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 32. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sơn La, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Giám đốc,



Tổng Giám đốc

Trần Ngọc Hiếu

Theo Giấy ủy quyền số 72/GUQ/2021
ngày 01/11/2021 của Chủ tịch HĐQT



Số: BC/BDO/2022.513

Tel: +84 (0)24 37833911/12/13
Fax: +84 (0)24 37833914
www.bdo vietnam.vn20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm toán viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		779.346.292.945	565.390.612.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.691.915.531	4.489.086.530
1. Tiền	111		6.691.915.531	4.489.086.530
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		304.156.045.415	313.617.740.086
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	114.942.723.654	176.896.964.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46.420.817.498	14.366.487.024
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	9.400.000.000	9.400.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	145.185.482.990	124.753.186.570
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.792.978.727)	(11.798.898.371)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	468.474.698.397	247.275.139.328
1. Hàng tồn kho	141		471.308.222.537	252.497.969.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.833.524.140)	(5.222.829.900)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.633.602	8.646.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.978.359	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.2	4.655.243	8.646.800
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		600.223.798.784	627.497.176.068
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		558.845.062.501	607.948.061.927
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	557.628.792.937	606.724.670.267
Nguyên giá	222		924.341.803.009	921.489.779.257
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(366.713.010.072)	(314.765.108.990)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.216.269.564	1.223.391.660
Nguyên giá	228		2.018.991.660	2.018.991.660
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(802.722.096)	(795.600.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.778.736.283	6.648.075.545
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	29.778.736.283	6.648.075.545
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.600.000.000	11.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.2	9.600.000.000	9.600.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.1	2.000.000.000	2.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	1.301.038.596
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	-	1.301.038.596
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.379.570.091.729	1.192.887.788.812

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		619.492.409.198	536.104.594.266
I. Nợ ngắn hạn	310		569.392.409.198	433.704.594.266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	36.425.525.975	65.777.116.907
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	52.061.800	652.432.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.1	7.086.444.174	13.671.709.015
4. Phải trả người lao động	314		1.635.296.664	3.376.074.099
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.236.765.609	1.285.266.727
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.035.840.999	725.276.809
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.1	512.181.975.054	322.224.800.077
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	3.970.000.000	22.174.186.263
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.768.498.923	3.817.732.018
II. Nợ dài hạn	330		50.100.000.000	102.400.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.2	50.100.000.000	102.400.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		760.077.682.531	656.783.194.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	760.077.682.531	656.783.194.546
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.919.450.000	97.919.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.919.450.000	97.919.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.638.028	3.998.638.028
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.607.779.802	45.607.779.802
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.800.000.000	8.309.151.136
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		605.751.814.701	500.948.175.580
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		418.112.615.580	337.139.080.778
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		187.639.199.121	163.809.094.802
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.379.570.091.729	1.192.887.788.812

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Khương



Trần Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	868.974.945.103	801.155.649.910
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	19.047.619
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		868.974.945.103	801.136.602.291
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	643.715.946.239	600.480.759.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		225.258.998.864	200.655.842.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.464.287.683	14.066.997.479
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.780.077.331	33.416.688.378
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.942.569.652	31.930.355.152
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.130.485.212	3.402.836.603
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.304.031.311	14.033.577.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		186.508.692.693	163.869.737.585
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.186.167.695	427.103.005
12. Chi phí khác	32	VI.8	55.661.267	487.745.788
13. Lợi nhuận khác	40		1.130.506.428	(60.642.783)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		187.639.199.121	163.809.094.802
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		187.639.199.121	163.809.094.802
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	19.163	16.269

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Khương



Trần Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		187.639.199.121	163.809.094.802
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		53.209.223.528	53.677.643.311
- Các khoản dự phòng	03		(20.599.411.667)	(7.776.994.722)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.269.548.685)	(4.096.013.498)
- Chi phí lãi vay	06		29.942.569.652	31.930.355.152
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		241.922.031.949	237.544.085.045
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.214.998.666	(58.114.430.492)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(218.810.253.309)	(48.587.686.864)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(36.527.587.077)	11.709.075.848
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.301.038.596	2.618.244.325
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(29.942.569.652)	(31.930.355.152)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	12.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.041.571.136)	(10.829.018.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(36.883.911.963)	102.422.414.651
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(29.864.039.436)	(12.437.149.237)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.584.800.000	363.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.116.783.923	3.732.610.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.162.455.513)	(10.340.902.370)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	812.087.687.687	597.043.399.940
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(674.430.512.710)	(620.813.886.810)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(78.407.978.500)	(68.496.406.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		59.249.196.477	(92.266.893.520)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.202.829.001	(185.381.239)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.489.086.530	4.674.467.769
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.691.915.531	4.489.086.530

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Khương



Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ tám ngày 28/05/2018.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 16/10/2012 với mã chứng khoán là SLS.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất chế biến;
- Kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính:

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh đường mía, mật ri và các sản phẩm sau đường;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, phân đạm, thuốc trừ sâu, mía giống, xi tro.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 302 người (tại ngày 30/06/2021 là 276 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/07 năm trước đến ngày 30/06 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Nguyên tắc xác định công ty liên doanh, liên kết: Dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20 % đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua,

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu về cho mượn tài sản...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

Năm nay, Công ty có thay đổi chính sách phân bổ khấu hao TSCĐ tính giá thành thành phẩm so với các năm trước cụ thể như sau: Các năm trước, chi phí khấu hao theo đường thẳng của các tài sản phục vụ sản xuất cả năm được phân bổ cho tổng sản lượng sản xuất kế hoạch cả năm. Năm nay, chi phí khấu hao theo đường thẳng của các tài sản phục vụ sản xuất từng kỳ được phân bổ theo sản lượng sản xuất thực tế kỳ đó.

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

6. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính.

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ vào kết quả sản xuất kinh doanh trong vòng 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định; công cụ, vật tư xuất dùng có giá trị lớn, được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 24 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả tại thời điểm cuối kỳ bao gồm các khoản: phải trả chi phí quản lý thu mua mía, lãi chậm trả tiền hàng, lãi vay phải trả.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- **Trích trước chi phí lãi chậm trả tiền hàng:** Căn cứ số dư nợ mua hàng chậm trả, thời hạn nợ, lãi suất chậm trả quy định trên hợp đồng mua bán.

- **Trích trước chi phí quản lý thu mua mía:** Căn cứ trọng lượng mía nguyên liệu sạch nhập về chế biến và đơn giá kinh phí hoạt động được phê duyệt.
- **Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp trả lãi sau:** Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật)

Khoản dự phòng sửa chữa bảo dưỡng TSCĐ được trích lập căn cứ vào nhu cầu, kế hoạch sửa chữa TSCĐ định kỳ của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển.

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

- Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán đường, mật rỉ, xăng dầu, phân bón... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm tiền hàng.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm tiền hàng: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lãi khách hàng ứng trước tiền hàng, lãi trả chậm tiền hàng... Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	90.998.436	84.984.444
Tiền gửi ngân hàng	6.600.917.095	4.404.102.086
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	6.691.915.531	4.489.086.530

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Dài hạn						
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (20.000 TP)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000

2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000
Cộng	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	31.875.600.000	30%	30%	31.875.600.000	30%	30%

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Hoạt động chính của Công ty TNHH Nhà nước MTV Nông nghiệp Tô Hiệu trong năm là trồng mía, ngô và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp liên quan.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	39.417.470.412	78.493.911.220
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	10.350.000.000	9.980.030.904
Công ty TNHH MTV Phú An Sài Gòn	14.685.955.068	43.292.416.163
Công ty trách nhiệm hữu hạn An Hà	12.094.356.164	13.286.524.275
Công ty TNHH Thương Mại Thiên Thiên Phúc	522.219.180	10.111.232.877
Các khách hàng còn lại	1.764.940.000	1.823.707.001
Phải thu khách hàng là bên liên quan	75.525.253.242	98.403.053.643
<i>(Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)</i>		

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	16.500.715.053	14.366.487.024
Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Việt Long	-	1.762.450.950
Công ty TNHH Shrijee Process Engineering	-	2.323.580.875
Công ty TNHH Vĩnh Trị	6.963.752.001	6.963.752.001
Các nhà cung cấp còn lại	9.536.963.052	3.316.703.198
Trả trước cho người bán là bên liên quan	29.920.102.445	-
<i>(Chi tiết trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)</i>		
Cộng	46.420.817.498	14.366.487.024

5. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cho vay ngắn hạn						
Công ty Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Cộng	9.400.000.000	9.400.000.000	-	9.400.000.000	9.400.000.000	-

6. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu đầu tư vùng nguyên liệu	142.392.603.626	308.188.371	123.613.356.781	308.188.371
Tạm ứng	2.596.535.011	-	683.056.504	-
Phải thu khác	196.344.353	-	456.773.285	-
Cộng	145.185.482.990	308.188.371	124.753.186.570	308.188.371

7. Nợ xấu

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP XD Cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Bình Anh	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Các đối tượng khác	994.402.594	992.978.727	1.423.867	1.051.192.605	998.898.371	52.294.234
Cộng	11.794.402.594	11.792.978.727	1.423.867	11.851.192.605	11.798.898.371	52.294.234

Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	11.798.898.371	14.585.737.955
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	10.667.356	27.968.716
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(16.587.000)	(2.814.808.300)
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	11.792.978.727	11.798.898.371

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.782.888.846	(2.833.524.140)	23.769.653.584	(5.222.829.900)
Công cụ, dụng cụ	6.665.059	-	4.648.559	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	445.213.315.652	-	226.732.407.886	-
Hàng hóa	305.352.980	-	1.991.259.199	-
Cộng	471.308.222.537	(2.833.524.140)	252.497.969.228	(5.222.829.900)

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:

	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.782.888.846
Công cụ, dụng cụ	6.665.059
Thành phẩm	-
Thành phẩm	445.213.315.652
Hàng hoá	305.352.980
Cộng	471.308.222.537

Giá trị hàng tồn kho trên được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La (Xem Thuyết minh V.19)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	5.222.829.900	5.387.171.301
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	112.322.236	417.758.597
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.501.627.996)	(582.099.998)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	2.833.524.140	5.222.829.900

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	-	1.301.038.596
Cộng	-	1.301.038.596

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	174.600.636.634	739.002.173.525	5.691.547.122	1.742.694.703	452.727.273
Mua sắm mới	-	1.993.428.704	-	196.716.582	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.488.775.306	1.685.600.000	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(320.333.626)	(2.829.504.169)	-	(114.103.745)	-
Giảm khác	-	(248.555.300)	-	-	-
Số cuối năm	176.769.078.314	739.603.142.760	5.691.547.122	1.825.307.540	452.727.273
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	74.305.333.476	235.962.973.726	2.842.813.508	1.255.157.120	398.831.160
Khấu hao trong năm	5.753.496.895	46.674.261.219	687.460.080	49.800.220	53.896.113
Tăng khác	-	892.857	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(320.333.626)	(837.468.931)	-	(114.103.745)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	79.738.496.745	281.800.658.871	3.530.273.588	1.190.853.595	452.727.273
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	100.295.303.158	503.039.199.799	2.848.733.614	487.537.583	53.896.113
Số cuối năm	97.030.581.569	457.802.483.889	2.161.273.534	634.453.945	-

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 100.027.174.496 VND (tại ngày 30/06/2021 là 94.810.856.066 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 399.801.568.072 VND (tại ngày 30/06/2021 là 424.348.282.408 VND)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.080.949.765	938.041.895	2.018.991.660
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	1.080.949.765	938.041.895	2.018.991.660
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	795.600.000	795.600.000
Khấu hao trong năm	-	7.122.096	7.122.096
Số cuối năm	-	802.722.096	802.722.096
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	1.080.949.765	142.441.895	1.223.391.660
Số cuối năm	1.080.949.765	135.319.799	1.216.269.564

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 795.600.000 VND (tại ngày 30/06/2021 là 795.600.000 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2022 đã dùng để chấp, cầm cố cho vay là 0 VND (tại ngày 30/06/2021 là 0 VND)

12. Tài sản dở dang dài hạn

12.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nâng công suất năm 2021	23.640.729.490	-
Dự án khác	6.138.006.793	6.648.075.545
Cộng	29.778.736.283	6.648.075.545

13. Phải trả người bán

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên thứ ba	36.425.525.975	36.425.525.975	64.321.556.443	64.321.556.443
Công ty cổ phần Công nông nghiệp Tiến Nông	-	-	20.987.788.750	20.987.788.750
Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh tại Bắc Ninh	1.393.481.250	1.393.481.250	12.280.750.000	12.280.750.000
Công ty cổ phần Công nghiệp Hiệp Thành	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035
Công ty cổ phần nông dược Việt Nam	2.830.080.000	2.830.080.000	2.420.000.000	2.420.000.000
Các nhà cung cấp còn lại	27.650.814.690	27.650.814.690	24.081.867.658	24.081.867.658
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-	1.455.560.464	1.455.560.464
(Chi tiết phải trả cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số VIII.2)				
Cộng	36.425.525.975	36.425.525.975	65.777.116.907	65.777.116.907

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	52.061.800	652.432.351
Trần Ngọc Thành	-	542.750.000
Các khách hàng còn lại	52.061.800	109.682.351
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Cộng	52.061.800	652.432.351

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

15.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng bán hàng nội địa	13.205.778.416	28.579.371.062	34.810.861.306	6.974.288.172
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	985.231.539	985.231.539	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	43.368.311	43.368.311	-
Thuế tài nguyên	-	63.553.000	63.553.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	20.623.116	3.696.833.938	3.660.383.243	57.073.811
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	445.307.483	233.205.184	623.430.476	55.082.191
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	13.671.709.015	33.605.563.034	40.190.827.875	7.086.444.174

15.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	310.435.304	310.435.304	-
Các loại thuế khác	8.646.800	17.585.933	21.577.490	4.655.243
Cộng	8.646.800	328.021.237	332.012.794	4.655.243

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi chậm trả tiền hàng	-	604.585.963
Chi phí phải trả quản lý thu mua mía	850.715.609	680.680.764
Chi phí phải trả khác	386.050.000	-
Cộng	1.236.765.609	1.285.266.727

17. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	525.390.808	331.016.099
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	97.918.210	107.918.210
Phải trả, phải nộp khác	1.412.531.981	286.342.500
Cộng	2.035.840.999	725.276.809

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	-	18.274.186.263
Dự phòng tiền lương	3.970.000.000	3.900.000.000
Cộng	3.970.000.000	22.174.186.263

B09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

2. Vay và nợ thuế tài chính

2.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	273.424.800.077	273.424.800.077	812.087.687.687	625.630.512.710	459.881.975.054	459.881.975.054
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La (i)	252.424.800.077	252.424.800.077	723.372.932.687	583.630.512.710	392.167.220.054	392.167.220.054
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La (ii)	21.000.000.000	21.000.000.000	88.714.755.000	42.000.000.000	67.714.755.000	67.714.755.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	48.800.000.000	48.800.000.000	52.300.000.000	48.800.000.000	52.300.000.000	52.300.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La (iii)	48.800.000.000	48.800.000.000	52.300.000.000	48.800.000.000	52.300.000.000	52.300.000.000
Cộng vay ngắn hạn	322.224.800.077	322.224.800.077	864.387.687.687	674.430.512.710	512.181.975.054	512.181.975.054

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn hàng ngắn hạn

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 10.26/2021-HĐCVHM/NHCT190-SLS ngày 03/11/2021 dùng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm mảng kinh doanh xăng dầu) trong đó số giải ngân ứng vốn cho vùng nguyên liệu tối đa là 100 tỷ đồng. Hạn mức của HĐ là 400 tỷ đồng từ tháng 01 đến hết tháng 08; hạn mức 350 tỷ đồng từ tháng 09 đến hết tháng 12, thời hạn theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng (với lĩnh vực sản xuất mía đường) và không quá 12 tháng (với lĩnh vực sản xuất mía đường) và được quy định trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các cam kết bảo lãnh, hợp đồng bảo đảm cụ thể là các hợp đồng thế chấp động sản, bất động sản và quyền tài sản được ký kết giữa hai bên.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 10.33/2020-HĐCVHM/NHCT190-SLS ngày 04/11/2020 dùng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm mảng kinh doanh xăng dầu) trong đó số giải ngân ứng vốn cho vùng nguyên liệu tối đa là 100 tỷ đồng. Hạn mức của HĐ là 300 tỷ đồng, thời hạn theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng (với lĩnh vực sản xuất mía đường) và không quá 12 tháng (với lĩnh vực sản xuất mía đường) và được quy định trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các cam kết bảo lãnh, hợp đồng bảo đảm cụ thể là các hợp đồng thế chấp động sản, bất động sản và quyền tài sản được ký kết giữa hai bên.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Sơn La theo hợp đồng cho vay số 23808.22.785.2456994.TD ngày 25/04/2022. Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày 25/04/2022 đến 16/03/2023, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ, biện pháp bảo đảm của Hợp đồng này được thể hiện cụ thể tại các hợp đồng thế chấp số 33321.20.785.2456994.BĐ ngày 29/07/2020; 15166.22.785.2456994.BĐ ngày 25/04/2022; được duy trì suốt thời gian vay vốn tại MB. Thời hạn tối đa 06 tháng cho từng lần nhận nợ, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá do MB phát hành.

2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ		Trong năm		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	102.400.000.000	102.400.000.000	-	52.300.000.000	50.100.000.000	50.100.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sơn La (iii)	102.400.000.000	102.400.000.000	-	52.300.000.000	50.100.000.000	50.100.000.000
Cộng vay dài hạn	102.400.000.000	102.400.000.000	-	52.300.000.000	50.100.000.000	50.100.000.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

(iii) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Sơn La bao gồm 2 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 03.28/2016-HĐTDDA/NHCT190-CTCPMIADUONGSL ngày 24/08/2016 với mục đích vay: "Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4000 TMN (Giai đoạn 1 (2016-2017) đạt công suất 3000TMN". Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VND. Thời hạn 96 tháng kể từ ngày giải ngân ban đầu, lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau: Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thế chấp số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; Quyền sử dụng đất số 1597834, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 04.29A/2013/HĐTC-BĐS ngày 20/11/2013; Toàn bộ tài sản hình thành trong dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất ép 2500TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La và dự án Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4000 TMN (giai đoạn 2016 - 2018) - Giai đoạn 1 (2016 - 2017) đạt công suất 3000 TMN; Thế chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do Ngân hàng Công Thương tài trợ vốn.
- Hợp đồng tín dụng số 11.29/2017-HĐCVDADT/NHCT190-CTCPMDSL ngày 18/05/2017 với mục đích vay: "Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư nâng cấp công suất dây chuyền chế biến đường và ổn định công suất 5000 TMN - Giai đoạn 2 (2017 - 2018)", hạn mức 171.000.000.000 VND với thời hạn 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp động sản, bất động sản, toàn bộ tài sản sau: Hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04.29A/2013/HĐTC-BĐS ngày 20/11/2013; Toàn bộ tài sản hình thành trong dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất 4000 TMN (giai đoạn 2016 - 2018) - Giai đoạn 1 (2016 - 2017) đạt công suất 3000 TMN; Thế chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do Ngân hàng tài trợ vốn; Hợp đồng thế chấp động sản số 11A.29/2017/HĐTCĐS ngày 18/05/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 11B.29/2017/HĐTCBĐS ngày 18/05/2017 và các văn bản bổ sung đi kèm.

thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

ÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
N THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

ăm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	97.919.450.000	97.919.450.000	3.998.638.028	3.998.638.028	45.607.779.802	45.607.779.802	6.800.000.000	6.800.000.000	416.882.695.778	416.882.695.778	571.208.563.608	571.208.563.608
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	163.809.094.802	163.809.094.802	163.809.094.802	163.809.094.802
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.546.628.925	1.546.628.925	-	-	1.546.628.925	1.546.628.925
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	(68.543.615.000)	(68.543.615.000)	(68.543.615.000)	(68.543.615.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000	(11.200.000.000)	(11.200.000.000)	(4.700.000.000)	(4.700.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(6.537.477.789)	(6.537.477.789)	-	-	(6.537.477.789)	(6.537.477.789)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	97.919.450.000	97.919.450.000	3.998.638.028	3.998.638.028	45.607.779.802	45.607.779.802	8.309.151.136	8.309.151.136	500.948.175.580	500.948.175.580	656.783.194.546	656.783.194.546
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	187.639.199.121	187.639.199.121	187.639.199.121	187.639.199.121
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	(78.335.560.000)	(78.335.560.000)	(78.335.560.000)	(78.335.560.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.509.151.136)	(1.509.151.136)	-	-	(1.509.151.136)	(1.509.151.136)
Số dư cuối năm nay	97.919.450.000	97.919.450.000	3.998.638.028	3.998.638.028	45.607.779.802	45.607.779.802	6.800.000.000	6.800.000.000	605.751.814.701	605.751.814.701	760.077.682.531	760.077.682.531

(*) Trong năm, Công ty thực hiện phân phối các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22 tháng 09 năm 2021. Theo đó, Công ty chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 80% vốn điều lệ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng trong năm phục vụ đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu.

thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Thái	26.860.600.000	26.860.600.000
Công ty TNHH Thái Liên	14.688.000.000	14.688.000.000
Ông Đặng Việt Anh	9.638.780.000	739.580.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	46.732.070.000	55.631.270.000
Cộng	97.919.450.000	97.919.450.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	97.919.450.000	97.919.450.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	97.919.450.000	97.919.450.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.335.560.000	68.543.615.000

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9.791.945	9.791.945
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945	9.791.945
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	9.791.945

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

21. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm như sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Năm xóa nợ	Nguyên nhân xóa nợ
Xử lý các khoản nợ phải thu đầu tư vùng nguyên liệu tồn từ năm 2007 đến 2013	359.716.531	2018	Nợ không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản phẩm đường, mật ri, bã bunn	744.899.387.907	728.368.970.170
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bunn ủ men	8.759.190.000	4.661.481.190
Doanh thu xăng dầu	21.627.188.970	10.192.078.466
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	93.656.450.953	57.719.202.084
Doanh thu khác	32.727.273	213.918.000
Cộng	868.974.945.103	801.155.649.910
Trong đó		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	226.640.195.004	197.156.332.290
Doanh thu bán cho bên liên quan	642.334.750.099	603.999.317.620

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm đường, mật ri, bã bunn	524.645.171.940	530.376.525.445
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bunn ủ men	6.891.386.392	3.651.570.202
Giá vốn xăng dầu	20.731.330.309	9.610.592.235
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống	91.386.754.191	56.592.633.933
Giá vốn khác	61.303.407	249.437.608
Cộng	643.715.946.239	600.480.759.423

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.760.067	48.523.453
Lãi đầu tư trái phiếu	140.000.000	-
Lợi nhuận cổ tức được chia	177.253.139	45.958.656
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	6.772.770.717	3.638.128.395
Lãi bán hàng trả chậm	7.347.503.760	10.334.386.975
Cộng	14.464.287.683	14.066.997.479

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	29.942.569.652	31.930.355.152
Lãi trả chậm tiền hàng	78.869.322	604.585.963
Lãi khách hàng ứng trước tiền hàng	758.638.357	881.747.263
Cộng	30.780.077.331	33.416.688.378

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	285.754.620	285.727.337
Chi phí vật liệu, bao bì	198.850.000	2.920.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	103.335.640	101.299.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.298.505.136	2.243.006.209
Chi phí bằng tiền khác	244.039.816	769.883.761
Cộng	3.130.485.212	3.402.836.603

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.255.127.882	6.599.253.055
Chi phí vật liệu quản lý	190.616.052	183.888.818
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.228.182	70.598.126
Chi phí khấu hao TSCĐ	719.186.248	799.314.324
Thuế, phí và lệ phí	1.077.799.067	855.151.321
Chi phí dự phòng	3.964.080.356	1.113.160.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.992.375.508	2.641.681.053
Chi phí bằng tiền khác	3.078.618.016	1.770.530.668
Cộng	19.304.031.311	14.033.577.781

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, vật tư	1.152.764.761	402.102.994
Các khoản khác	33.402.934	25.000.011
Cộng	1.186.167.695	427.103.005

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	54.702.042	487.745.781
Các khoản khác	959.225	7
Cộng	55.661.267	487.745.788

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	629.206.225.012	497.114.439.662
Chi phí nhân công	33.452.273.743	31.487.990.199
Chi phí công cụ, dụng cụ	19.575.000	360.739.944
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.209.223.528	53.677.643.311
Chi phí dự phòng	4.076.402.592	948.819.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.655.628.044	7.392.553.980
Chi phí khác bằng tiền	47.205.280.797	11.059.126.231
Cộng	773.824.608.716	602.041.312.342

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	187.639.199.121	163.809.094.802
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	187.639.199.121	163.809.094.802
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	-	4.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	9.791.945	9.791.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.163	16.269

Công ty chưa xác định số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế kỳ này; Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước đã được điều chỉnh theo số liệu thực trích.

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.791.945	9.791.945

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Kỳ này
Vay ngân hàng trả thẳng cho nhà cung cấp, vay trả lương cho CBCNV	454.607.687.687
Cộng	454.607.687.687

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Thành viên chủ chốt		
Ông Đặng Việt Anh	384.300.000	548.800.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	1.158.999.000	1.222.108.000
Bà Trần Thị Nhi	220.900.000	347.400.000
Ông Thái Văn Hùng	776.200.000	725.654.000
Ông Nguyễn Trường Chinh	220.900.000	347.400.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	205.900.000	110.900.000
Ông Nguyễn Văn Tài	409.811.869	321.985.595
Ông Nguyễn Văn Đãi	281.101.311	182.215.897
Bà Nguyễn Thị Khương	291.463.269	215.533.636
Nhận tạm ứng từ Công ty		
Ông Trần Ngọc Hiếu	734.138.000	632.600.000
Nhận cổ tức từ Công ty		
Ông Đặng Việt Anh	591.664.000	517.706.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	1.052.848.000	922.117.000
Bà Nguyễn Thị Khương	7.392.000	6.468.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Nợ phải thu</u>		
Ông Trần Ngọc Hiếu		
Nhận tạm ứng từ Công ty	4.138.000	235.000.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đường Kon Tum	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Bà Tạ Ngọc Hương vợ ông Trần Ngọc Hiếu là Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Bà Đặng Thị Thu Hằng - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
Công ty TNHH Thái Liên	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ	Bà Đặng Thu Hằng - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
<u>Công ty TNHH Kim Hà Việt</u>		
Bán hàng	87.005.714.285	52.157.838.094
Lãi trả chậm tiền hàng	271.838.684	762.222.987
Mua vật tư	36.059.433.860	15.513.082.241
Trả lại lãi trả chậm tiền hàng không thực hiện	-	800.577.225
<u>Công ty cổ phần Đường Kon Tum</u>		
Bán hàng	4.857.142.857	9.428.571.429
Lãi trả chậm tiền hàng	136.701.370	176.572.602
<u>Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa</u>		
Bán hàng	144.902.857.143	27.945.714.286
Lãi trả chậm tiền hàng	232.334.794	175.324.108
<u>Công ty TNHH Thái Liên</u>		
Bán hàng	74.285.714.287	66.870.490.478
Lãi trả chậm tiền hàng	587.846.575	148.035.616
Lãi khách hàng trả trước tiền hàng	641.700.001	438.010.275
Chi trả cổ tức	21.488.480.000	18.802.420.000
<u>Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt</u>		
Bán hàng	72.676.178.668	15.000.031.428
Lãi trả chậm tiền hàng	406.637.479	227.990.959

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

	Năm nay	Năm trước
<u>Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên</u>		
Bán hàng	47.416.666.667	35.831.904.761
Lãi trả chậm tiền hàng	676.621.055	393.020.666
<u>Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La</u>		
Bán hàng	-	1.238.786.190
Mua mía nguyên liệu	20.559.989.130	19.147.147.228
Phí quản lý thu mua mía	475.020.000	475.020.000
Cổ tức được chia	177.253.139	45.958.656
<u>Công ty cổ phần Mía Đường Trà Vinh</u>		
Bán hàng	127.380.952.382	162.761.904.764
Lãi trả chậm tiền hàng	218.630.137	169.971.507
Lãi khách hàng ứng trước tiền hàng	116.938.356	-
<u>Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc</u>		
Bán hàng	60.952.380.953	195.854.361.904
<u>Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ</u>		
Bán hàng	22.857.142.857	36.909.714.286
Lãi trả chậm tiền hàng	1.303.708.000	3.433.136.995

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<u>Phải thu khách hàng</u>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	11.966.728.767	10.087.157.826
Công ty cổ phần Đường Kon Tum	-	10.076.572.602
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	12.395.658.902	10.015.324.108
Công ty cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	12.230.375.561	10.217.990.959
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	9.451.000.000	9.871.843.274
Công ty TNHH Thái Liên	5.130.320.548	8.248.035.616
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	-	507.575.000
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh	12.218.630.137	169.971.507
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ	12.132.539.327	39.208.582.751
Cộng	75.525.253.242	98.403.053.643
<u>Phải trả người bán</u>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	933.038.464
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	-	522.522.000
Cộng		1.455.560.464
<u>Trả trước cho người bán</u>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	29.920.102.445	-
Cộng	29.920.102.445	-

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

B09-DN

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu

